

PPWG

NHÓM LÀM VIỆC VỊ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

GPAR

NHÓM HỢP TÁC THỨC ĐẨY QUẢN TRỊ VÀ CẢI HÀNH CHÍNH CÔNG

encomnet

MANG GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

HỘI THẢO THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ NHẤT

**VAI TRÒ
CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ
TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ,
XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

HÀ NỘI THÁNG 4 NĂM 2016

MỤC LỤC

Lời mở đầu	5
Lời cảm ơn	6
Tóm tắt nội dung	7
1. GIỚI THIỆU	13
2. KHAI MẠC	15
2.1. Phiên thảo luận: Nền tảng lý thuyết về xã hội dân sự trên thế giới và ở Việt Nam	16
2.1.1. Phần trình bày	16
2.1.1.1. Xã hội dân sự và nhà nước: các mô hình quan hệ cơ bản (Diễn giả: PGS. TS. Phạm Quỳnh Phương)	16
2.1.1.2. Xã hội dân sự và các hình thái biểu hiện của XHDS ở Việt Nam (Diễn giả: TS. Bùi Hải Thiêm)	21
2.1.2. Thảo luận chung	26
2.1.2.1. Quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự	26
2.1.2.2. Xã hội dân sự có cần phải được thừa nhận bởi nhà nước?	27
2.1.2.3. Thành phần của XHDS Việt Nam	28
2.1.2.4. Khía cạnh lịch sử phát triển của XHDS Việt Nam	31
2.1.2.5. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa và chuẩn mực quốc tế đến XHDS Việt Nam	33
2.1.2.6. Vấn đề nghiên cứu, giảng dạy và thảo luận về XHDS	34
2.1.2.7. Vấn đề không gian XHDS Việt Nam	35

2.2. Phiên thảo luận: vai trò của các tổ chức XHDS	
trong phát triển kinh tế	36
2.2.1. Phần trình bày	36
2.2.1.1. Hình thành, hoạt động và hướng phát triển của các tổ chức xã hội phi chính thức: nghiên cứu trường hợp các nhóm thiện nguyện ở Thừa Thiên Huế (Diễn giả: TS. Nguyễn Quý Hạnh)	36
2.2.1.2. Vai trò vận động chính sách của các tổ chức NGO Việt Nam (Diễn giả: Ths. Lê Quang Bình)	40
2.2.2. Thảo luận chung	42
2.2.2.1. Vai trò từ thiện	42
2.2.2.2. Vai trò cung cấp dịch vụ của XHDS	43
2.2.2.3. Vai trò thúc đẩy quyền con người	43
2.2.2.4. Vai trò nghiên cứu và kết nối chuyên gia	44
2.2.2.5. Vai trò vận động	45
2.3. Phiên thảo luận: nguồn lực cho các tổ chức xã hội dân	
sự Việt Nam	46
2.3.1. Phần trình bày	46
2.3.1.1. Nguồn lực tài chính và sự phát triển của các tổ chức XHDS Việt Nam: vôi nào đang rút, vôi nào cần thông? (Diễn giả: TS. Nguyễn Đức Thành)	46
2.3.1.2. Thách thức và cơ hội kêu gọi tài trợ từ người dân của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam (Diễn giả: TS. Vũ Hồng Phong)	51
2.3.2. Thảo luận chung	54
2.3.2.1. Chất lượng của từ thiện	54
2.3.2.2. Doanh nghiệp và từ thiện	59

2.3.2.3.	Quan hệ với nhà nước	61
2.3.2.4.	Báo chí và từ thiện	61
2.3.2.5.	Tôn giáo và từ thiện	61
2.3.2.6.	Các nguồn lực	62
2.4.	Phiên thảo luận: Không gian truyền thống và không gian mạng củaXHDS Việt Nam	63
2.4.1.	<i>Phần trình bày</i>	63
2.4.1.1.	Xây dựng một XHDS thay dần cho một xã hội làng xã (Diễn giả: GS. Nguyễn Đăng Dung)	63
2.4.1.2.	Tương tác người dân – nhà nước và xã hội dân sự dưới ảnh hưởng của mạng xã hội ở Việt Nam (Diễn giả: Huỳnh Ngọc Chương)	65
2.4.2.	<i>Thảo luận chung</i>	67
2.4.2.1.	Văn hóa làng xã và pháp quyền	67
2.4.2.2.	Vai trò của không gian mạng với XHDS	68
2.5.	Phiên thảo luận: Không gian XHDS và các giải pháp thúc đẩy sự phát triển của XHDS Việt Nam	70
2.5.1.	<i>Phần trình bày</i>	70
2.5.1.1.	Đánh dấu không gian xã hội dân sự Việt Nam (Diễn giả: Ths. Lê Quang Bình)	70
2.5.2.	<i>Thảo luận chung</i>	75
2.6.	Bổ lục	78
Phụ lục 1:	Chương trình hội thảo	80
Phụ lục 2:	Các bài trình bày và tham luận gửi tới hội thảo	83

LỜI MỞ ĐẦU

Hội thảo thường niên lần thứ nhất về “vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa” được tổ chức ở Hà Nội trong hai ngày 14 và 15 tháng 4 năm 2016. Có nhiều báo cáo nghiên cứu quan trọng và mới về xã hội dân sự Việt Nam được trình bày, đặc biệt có nhiều ý kiến thảo luận sâu sắc từ khoảng 130 đại biểu tham dự. Để các ý kiến này được lưu lại và đưa vào thực hiện, Ban tổ chức quyết định tóm tắt thành báo cáo quý vị đang cầm ở trên tay.

Các ý kiến khác nhau của các diễn giả và các đại biểu tham gia hội thảo được biên tập, sắp xếp theo từng phiên thảo luận nhằm giúp độc giả bám được mạch của chương trình. Hơn nữa, vì thời gian và năng lực có hạn, chắc chắn sẽ còn những thiếu vắng và sai sót trong việc ghi nhận các ý kiến của các đại biểu. Sơ xuất này chúng tôi xin cáo lỗi, nhưng chúng tôi xin cảm tạ tất cả các ý kiến đóng góp của các quý vị đại biểu.

Một lần nữa, Ban tổ chức xin cảm tạ sự nhiệt tình, tâm huyết và cởi mở đóng góp ý kiến của tất cả các diễn giả và các quý vị đại biểu!

Thay mặt ban tổ chức
Lê Quang Bình

LỜI CẢM ƠN

Ban tổ chức xin trân trọng cảm ơn tổ chức Oxfam tại Việt Nam và Đại sứ vương quốc Bỉ, Cơ quan viện trợ Ireland (Irish Aid) đã tài trợ tài chính và hỗ trợ kỹ thuật cho hội thảo này.

Quan điểm trong báo cáo này không nhất thiết phản ánh quan điểm của chức Oxfam tại Việt Nam, Đại sứ quán vương quốc Bỉ và Cơ quan viện trợ Ireland (Irish Aid).

TÓM TẮT NỘI DUNG

Hội thảo thường niên lần thứ nhất có nội dung “vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa” đã được tổ chức ở Hà Nội. Hội thảo có 5 phiên thảo luận, 10 bài trình bày và 4 panel. Nhiều nội dung từ lý thuyết về quan hệ nhà nước và xã hội dân sự (XHDS), các trường phái khác nhau trong phân tích xã hội dân sự cho đến các vấn đề về vai trò, nguồn lực, không gian đã được thảo luận. Một số điểm quan trọng được tóm tắt dưới đây.

Thứ nhất, xã hội dân sự có cần được thừa nhận hay không và thừa nhận bởi ai? Các tổ chức XHDS Việt Nam thường băn khoăn về tính chính danh của mình do nhà nước “chưa thừa nhận” – có nghĩa chưa có luật hoặc chưa có định nghĩa rõ ràng về XHDS trong các văn bản pháp luật. Tuy nhiên, thảo luận cho thấy sự tồn tại của XHDS là tất yếu bên cạnh nhà nước và thị trường. Chính vì vậy, việc phát triển XHDS không phụ thuộc vào sự thừa nhận (bằng luật pháp) của nhà nước, mà phụ thuộc vào sự thừa nhận về một xã hội đa nguyên, phản biện, thậm chí trái chiều trong các địa hạt khác nhau. Sự thừa nhận mang tính triết lý này chính là nền tảng cho XHDS phát triển. Điều này dẫn đến việc XHDS không chỉ vận động cho một khung pháp lý cởi mở, tôn trọng quyền tự do hiệp hội, hội họp của mình, mà còn vận động cho một xã hội đa nguyên, tôn trọng sự khác biệt, và đa dạng về cách tiếp cận.

Thứ hai, có nên tiếp tục tranh luận ai mới thực sự là xã hội dân sự không?

Cuộc tranh luận này không chỉ giữa các tổ chức phi chính phủ (NGO) với các tổ chức quần chúng (MTTQ, Hội phụ nữ, Hội nông dân...) mà còn

giữa các NGO và các nhóm không đăng ký hoạt động độc lập (U&I). Nếu sử dụng các trường phái về cấu trúc thì khó giải quyết được câu hỏi này, nhưng khi sử dụng trường phái phê phán hiện thực, nhìn vào chức năng và “phân loại” theo chức năng thì sẽ dễ chấp nhận vai trò của các tổ chức khác nhau hơn. Nói cách khác, thay vì hỏi “ai là ai” thì nên hỏi “ai làm gì” sẽ dễ nhận biết bản chất hơn.

Thứ ba, quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự ở một quốc gia kể cả Việt Nam là không đồng nhất. Nói cách khác, vì các tổ chức xã hội dân sự là đa dạng và không đồng nhất nên họ sẽ có mối quan hệ tương ứng với nhà nước. Ví dụ, các nhóm cung cấp dịch vụ thường có mối quan hệ hợp tác với nhà nước. Các nhóm vận động chính sách hoặc giám sát xã hội thì có quan hệ đối thoại với nhà nước. Các nhóm hoạt động toàn cầu thì thiên về mối quan hệ ngoài nhà nước. Như vậy, việc tìm cách định nghĩa mối quan hệ giữa XHDS và nhà nước là không thể và không cần thiết.

Thứ tư, việc hợp tác và làm việc với các cơ quan nhà nước là cần thiết trong việc vận động chính sách, phân bổ nguồn lực và kiểm soát quyền lực. Tuy nhiên, các tổ chức XHDS nên mở những không gian mới cho mình, một không gian thực sự tự do, dân chủ và tôn trọng các giá trị bình đẳng, công lý và nhân phẩm. Những không gian này là nền tảng cho sự phát triển có ích của xã hội dân sự.

Thứ năm, công việc nghiên cứu, giảng dạy và thảo luận về XHDS đang còn nhiều hạn chế ở Việt Nam. Sự hạn chế này gây ra nhiều hiểu lầm, thậm chí định kiến và sợ hãi không cần thiết trong xã hội dân sự, cơ quan nhà nước cũng như người dân. Khi không có nghiên cứu, không có thảo luận sẽ có những định chế méo mó về xã hội dẫn đến sự méo mó trong hành vi và thái độ đối với XHDS, từ đó gây hại cho sự phát triển của xã hội. Từ hội thảo thường niên lần thứ nhất này, công việc nghiên cứu, thảo luận và giảng dạy

vềXHDS cần được thúc đẩy một cách nghiêm túc, chuyên nghiệp và mở rộng hơn nữa.

Thứ sáu, các thảo luận vềXHDS đang rất hạn chế và còn nhiều thiếu hụt, một trong những thiếu hụt quan trọng là chủ đề tôn giáo và các tổ chức tôn giáo. Không thể phủ nhận có sự giao thoa giữa các niềm tin tôn giáo và các giá trị nhân văn mà các tổ chức xã hội dân sự đang theo đuổi. Tuy nhiên, đang có sự ngăn cách giữa hai định chế xã hội này, và sự ngăn cách này cần được khai thông để học hỏi và hợp tác thúc đẩy các điều tốt trong xã hội.

Thứ bảy, chính trị đang là một lĩnh vực rất ít được đề cập đến dù rất nhiều hoạt động của các tổ chứcXHDS mang tính chính trị như bảo vệ quyền con người, bảo vệ môi trường, chống tham nhũng, xóa bỏ kỳ thị xã hội. Sự né tránh bản chất chính trị trong hoạt động củaXHDS là do kiến thức lệch lạc về chính trị, coi chính trị chỉ là nhà nước và mong muốn nắm chính quyền. Chính vì vậy, việc học hỏi và hiểu biết về chính trị rất quan trọng giúp cho hoạt động của các tổ chứcXHDS có chiều sâu, và chạm đến bản chất của quan hệ giữa nhà nước, thị trường vàXHDS.

Thứ tám, hoạt động từ thiện rất phổ biến và được tổ chức theo hình thức tự nguyện, không đăng ký, không có tư cách pháp nhân. Điều này là phù hợp ở quy mô nhỏ, mang tính ngắn hạn. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng cần có hỗ trợ cho các nhóm làm từ thiện về triết lý, chuẩn mực, và tính hợp pháp (không cần đăng ký nhưng hợp pháp hoạt động).

Thứ chín, vận động chính sách, vận động cộng đồng và phong trào xã hội ngày càng trở thành một phần quan trọng củaXHDS. Để thành công, các tổ chứcXHDS cần tập trung xây dựng nền tảng, đó là năng lực lãnh đạo, tổ chức và điều phối, sự chính danh của những người tham gia, và động lực

của những người tham gia. Để có điều này, người trong cuộc phải là trụ cột vì chính họ là người có tính chính danh và động lực để vận động cho bình đẳng và công lý nhất.

Thứ mười, vai trò cung cấp dịch vụ công cho cộng đồng nói chung và cho những nhóm khó khăn nói riêng như người lớn tuổi, người khuyết tật, người có HIV là một phần quan trọng của XHDS. Tuy nhiên, các dịch vụ này cần có chuẩn mực do chính những tổ chức cung cấp dịch vụ và người nhận dịch vụ xây dựng. Điều này dẫn đến vai trò của Hội vì chỉ có Hội mới làm vai trò này tốt nhất, từ việc xây dựng, triển khai và giám sát.

Thứ mười một, vai trò bảo vệ quyền của XHDS là hiển nhiên và cần thiết. Bảo vệ quyền không nhất thiết chỉ là bảo vệ những người bị xâm hại quyền qua hệ thống pháp lý, còn là việc thúc đẩy hiểu biết về quyền, thực hành quyền, và đảm bảo các dịch vụ công, tư không vi phạm quyền con người. Bên cạnh đó, XHDS không thể né tránh các quyền dân sự, chính trị, ví dụ như quyền hiệp hội, quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do ngôn luận vì các quyền không thể tách rời nhau, và nếu các quyền dân sự chính trị bị vi phạm thì khó lòng có được các quyền khác một cách trọn vẹn.

Thứ mười hai, kinh tế Việt Nam đang khó khăn và ngân sách đang thâm hụt là bức tranh vĩ mô có ảnh hưởng đến việc cung cấp nguồn lực lâu dài cho XHDS. Trong bối cảnh này, các tổ chức đoàn thể công như MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội cũng sẽ bị cắt giảm ngân sách nên hy vọng nhà nước cấp ngân sách cho XHDS là không khả thi. Hơn nữa, với thể chế hiện tại, nếu nhà nước cấp ngân sách cho XHDS hoạt động thì sẽ kèm theo các điều kiện “kiểm soát”, và như vậy XHDS sẽ mất vai trò độc lập.

Thứ mười ba, về lâu dài, kinh tế tư nhân phải là nguồn thu chính yếu và bền vững cho XHDS. Tuy nhiên, hiện tại kinh tế tư nhân của VN khó

phát triển vì môi trường kinh doanh bất lợi nên không có nhiều nguồn lực cho xã hội. Hơn nữa, khối doanh nghiệp cũng e ngại trong quan hệ với XHDS vì sợ phía nhà nước “chụp mũ” hỗ trợ các tổ chức “chống đối”. Để mở lối, XHDS cần tập trung tiếp cận những doanh nghiệp nước ngoài, hoặc doanh nghiệp tư nhân ở thành thị vì họ sẵn sàng ủng hộ XHDS hơn. Ngoài ra, thúc đẩy hiểu biết về phát triển (philanthropy) và vận động xây dựng một cơ chế để doanh nghiệp đóng góp một cách không e ngại là cần thiết, có thể qua luật thuế, hoặc luật về hội.

Thứ mười bốn, người dân coi trọng việc làm từ thiện và sẵn sàng đóng góp từ thiện cho người nghèo, nạn nhân bão lụt, hoặc người khuyết tật.

Tuy nhiên, người dân đang có cái nhìn tiêu cực về XHDS do diễn ngôn nhà nước, và do chính quyền địa phương “bao sân”, “gác cửa” không cho XHDS tiếp cận nguồn lực. Nếu vượt qua định kiến và rào cản này, việc truyền thông về phát triển, cho người dân cũng quan trọng để họ thay đổi thói quen làm từ thiện, có trách nhiệm hơn với những vấn đề mang tính gốc rễ.

Thứ mười lăm, mạng xã hội là một không gian mới, và tạo ra nhiều cơ hội về truyền thông cho XHDS.

Qua mạng xã hội, XHDS có thể tiếp cận hàng triệu người một cách trực tiếp. Tuy nhiên, để tận dụng không gian này XHDS cần có chiến lược, nguồn lực và kỹ năng để tác động tích cực đến người sử dụng internet. Sự kết hợp với các nhà trí thức, các tổ chức chuyên môn, các nhân vật truyền thông là cần thiết để thúc đẩy các giá trị mà XHDS theo đuổi.

Thứ mười sáu, không gian xã hội dân sự mở rộng hay thu hẹp phụ thuộc nhiều vào năng lực của các tổ chức XHDS.

Năng lực này bao gồm cả năng lực quản lý, kỹ thuật, và năng lực hoạt động xã hội. Chính vì vậy, các tổ chức muốn hỗ trợ XHDS nên tập trung đầu tư nâng cao năng lực cho các nhóm

XHDS, đặc biệt những nhóm có sứ mệnh và động cơ thúc đẩy các giá trị tự do, dân chủ, bình đẳng và khoan dung.

Thứ mười bảy, hợp tác giữa các nhóm xã hội dân sự khác nhau là cần thiết vì một mục đích và sứ mệnh chung. Tuy nhiên, sự hợp tác này chỉ có được khi có sự thừa nhận về vai trò khác nhau, cách thức làm việc khác nhau của các nhóm khác nhau. Khi đó nền tảng giá trị và ảnh hưởng xã hội mới là điểm tựa để nhìn nhận vai trò của từng nhóm, chứ không phải là “ai là ai” và “ai thuộc về đâu”.

1. GIỚI THIỆU

Tuy xã hội dân sự đã tồn tại và phát triển ở Việt Nam từ lâu bên cạnh nhà nước và thị trường nhưng chưa được nghiên cứu, thảo luận một cách khoa học, thấu đáo. Chính vì vậy, Việt Nam đang thiếu một nền tảng lý luận và thực tiễn vững chắc nhằm định hướng phát triển cho xã hội dân sự trong quan hệ với nhà nước và thị trường. Điều này là cấp thiết vì Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập sâu rộng vào thế giới trên tất cả các lĩnh vực từ đó dẫn đến những đòi hỏi cải cách về thể chế. Cùng với Hiến pháp 2013, Việt Nam đang xây dựng những bộ luật quan trọng nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền của người dân như Luật về hội, Luật tiếp cận thông tin, Luật biểu tình. Những Luật này cũng là nền tảng cho xã hội dân sự phát triển, đóng góp tốt hơn cho sự phát triển của đất nước.

Nhóm làm việc vì sự tham gia của người dân (PPWG), Nhóm hợp tác thúc đẩy quản trị và cải cách hành chính công (GPAR), và Mạng giới và phát triển cộng đồng (GENCOMNET) đồng tổ chức Hội thảo thường niên lần thứ nhất về “vai trò của xã hội dân sự trong phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa ở Việt Nam” trong hai ngày 14 và 15 tháng 4 năm 2016. Hội thảo này nhằm tạo một không gian học thuật giữa các cơ quan nhà nước, các tác nhân xã hội dân sự, và xã hội về bản chất và vai trò của xã hội dân sự trong bối cảnh Việt Nam. Hội thảo cũng nhằm cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn cho sự phát triển của XHDS, đặc biệt đóng góp cho quá trình phát triển khung pháp lý liên quan đến xã hội dân sự.

Để chuẩn bị cho hội thảo thường niên lần thứ nhất, Ban tổ chức đã được thành lập vào tháng 12 năm 2015 với sự tham gia của đại diện các tổ chức như Oxfam, CARE, iSEE, UNDP, CEPEW, và các cá nhân quan tâm đến chủ đề. Thư mời các học giả, các nhà nghiên cứu và các tổ chức, cá nhân tham gia viết tham luận được gửi ra vào tháng 1 năm 2016. Đã có 33 bản tóm tắt tham luận từ các cơ quan nhà nước, các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ và các cá nhân hoạt động độc lập gửi về cho Ban tổ chức. Sau khi đọc và thảo luận, Ban tổ chức mời 19 người viết tham luận đầy đủ. Chương trình hội thảo đã được xây dựng dựa trên nội dung các bài có chất lượng cao và một số bài do Ban tổ chức “đặt hàng” một số học giả nhằm đa dạng nội dung thảo luận.

Hội thảo đã thu hút được sự quan tâm tham gia của giới nghiên cứu, giảng viên các trường đại học, báo chí, đại diện từ các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế, các đại sự quán và các cá nhân hoạt động độc lập. Ban tổ chức phải dừng nhận đăng ký trước thời hạn vì số người muốn tham gia cao hơn khả năng tổ chức. Trung bình có khoảng 130 người tham gia mỗi phiên thảo luận. Sự đa dạng vùng miền, lĩnh vực hoạt động, loại hình tổ chức đã giúp cho các thảo luận có cả chiều sâu lẫn chiều rộng. Đây chính là lý do Hội thảo nhận được nhiều phản hồi tích cực từ những người tham gia. Kết quả cụ thể được trình bày ở phần tiếp theo.

2. NỘI DUNG THẢO LUẬN

KHAI MẠC

Trong phần khai mạc, ông Lê Quang Bình, chủ tịch PPWG cho rằng Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức để phát triển. Những vấn đề như hạn hán và nhiễm mặn đang gây khó khăn cho cuộc sống của hàng triệu người dân ở Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên. Vấn đề ô nhiễm không khí ở Hà Nội, TP HCM đã từng ở mức báo động đỏ, có hôm ở mức báo động đỏ rất nguy hại cho sức khỏe con người. Những vấn đề khác như tham nhũng, lạc hậu trong giáo dục, thâm hụt ngân sách, nợ công có thể kéo lùi sự phát triển của đất nước, gây ra bất ổn xã hội.

Câu hỏi đặt ra là liệu nhà nước có trách nhiệm giải quyết tất cả vấn đề này hay không? Liệu nhà nước có khả năng giải quyết tất cả các vấn đề này hay không? Một ví dụ điển hình là vấn đề thực phẩm an toàn. Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Cao Đức Phát hứa đến cuối năm 2016 sẽ cố gắng chấm dứt tình trạng sử dụng kháng sinh trong việc nuôi trồng thủy sản cũng như là chăn nuôi, và chấm dứt việc buôn bán hóa chất độc hại sử dụng trong nông nghiệp để giải quyết cái vấn đề thực phẩm độc hại của Việt Nam. Bộ trưởng Phát có thể yêu cầu nhà nước có thêm luật, nghị định, nhưng chắc chắn một mình ông sẽ không giải quyết được vấn đề. Nhà nước không thể quản lý hàng triệu hộ gia đình đang sản xuất hàng ngày, họ có thể dùng hóa chất, họ có thể dùng thuốc trừ sâu, họ có thể dùng thuốc tăng trưởng thực vật. Nhà nước cũng không thể quản lý được hàng triệu hộ gia đình kinh doanh đồ ăn, đồ uống, và không thể hướng dẫn hàng triệu người tiêu dùng mua gì, ở đâu.

Đây chính là lý do chúng ta phải thừa nhận vai trò của thị trường, của nhà nước và của xã hội dân sự trong việc chung tay giải quyết vấn đề an toàn thực phẩm cũng như nhiều vấn đề kinh tế, xã hội và văn hóa khác. Từ trước đến nay đã có nhiều thảo luận về kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền nhưng chưa có nhiều thảo luận về xã hội dân sự. Để cải cách thể chế thành công thì Việt Nam cần phải cân bằng cả ba yếu tố. Bất cứ yếu tố nào thiếu hoặc yếu cũng dẫn đến sự méo mó của xã hội và làm chệch hướng phát triển. Đây chính là lý do để PPWG, GPAR và GENCOMNET cùng nhau tổ chức hội thảo này, hội thảo thường niên với hy vọng thúc đẩy sự phát triển của XHDS nhằm làm cho tiến trình cải cách thể chế và dân chủ hóa ở Việt Nam được cân bằng, thuận lợi cho phát triển hơn.

2.1. Phiên thảo luận: Nền tảng lý thuyết về xã hội dân sự trên thế giới và ở Việt Nam (Người điều hành: TS. Phạm Quang Tú)

2.1.1. Phần trình bày

2.1.1.1. Xã hội dân sự và nhà nước: các mô hình quan hệ cơ bản

(Bối diễn giả PGS. TS. Phạm Quỳnh Phương)

Xã hội dân sự và nhà nước là hai phạm trù không thể tách rời, nói đến xã hội dân sự thì chúng ta không thể không nói đến nhà nước hay nói cách khác là nói đến mối quan hệ của xã hội dân sự với nhà nước, bởi mỗi quan hệ này sẽ quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội dân sự.

Nhà nước, về mặt khái niệm đơn giản là một hệ thống thiết chế và bộ máy mang tính chính trị mà bất kỳ một xã hội nào cũng có. Nói đến nhà nước là phải nói đến giai cấp của nhà nước, hay nói cách khác là nhà nước bao giờ cũng bị chi phối bởi giai cấp cầm quyền. Nhà nước có quyền kiểm soát và quyền làm luật và có năng lực thực thi các quyết định của mình trong lãnh thổ nhất định, mặc dù là công chúng có chấp nhận hay là không thì quyền đó vẫn được thực thi.

Xã hội dân sự là một thuật ngữ có rất sớm, bắt nguồn từ trong tư tưởng chính trị. Các nhà nghiên cứu cho rằng ở thời kỳ ban đầu thì thuật ngữ xã hội dân sự tương đương với thuật ngữ nhà nước, và không được xem là tách biệt khỏi cộng đồng và chính trị. Sự phân tách xã hội dân sự khỏi nhà nước chỉ bắt đầu từ thế kỷ thứ mười bảy, và sau này với sự phát triển của các nhà nước thương mại châu Âu ở thế kỷ thứ mười tám thì xã hội dân sự mới được xem như là một lĩnh vực công được bảo vệ và tách biệt khỏi gia đình và nhà nước.

Khái niệm xã hội dân sự hiện nay có một số cách hiểu như sau. Thứ nhất, xã hội dân sự là một khái niệm có tính ý tưởng, có tính chuẩn mực về sự tồn tại của một tổ chức xã hội nằm ngoài sự kiểm soát của nhà nước. Thứ hai, xã hội dân sự như một không gian công cộng được bảo vệ khỏi sự chuyên quyền của nhà nước trong đó các cá nhân được tự do quyết định. Khu vực công này là bước trung gian giữa nhà nước và công dân, trong đó công chúng tự tổ chức để chuyển tải ý kiến chung. Khái niệm này còn được hiểu như một tập hợp của các hội, các nhóm có tổ chức và hướng đến những mục đích nhất định. Thứ ba, xã hội dân sự hiện nay cũng được hiểu là những phong trào công dân, những phong trào xã hội mà người dân tổ chức một cách tự phát hoặc có tổ chức để đem đến những mục đích, mục tiêu nhất định.

Mặt khác, có thể thấy thuật ngữ XHDS thường được lý thuyết hoá xoay quanh 7 khía cạnh cơ bản (Sievers 1999) đó là (i) Các thiết chế tự nguyện và phi lợi nhuận (Nonprofit voluntary institutions); (ii) Quyền của cá nhân (Individual rights); (iii) Mục đích chung (The common good); (iv) Nguyên tắc pháp quyền (The rule of law); (v) Từ thiện (Philanthropy); (vi) Tự do thể hiện (Free expression) và (vii) Khoan dung (Tolerance). Dù cách hiểu có khác nhau, thì có điểm chung, đó là nói đến XHDS là nói đến hai khía cạnh cơ bản, đó là: tính đa nguyên/đa dạng (pluralism) và lợi ích xã hội (social benefit).

Theo Chambers and Kopstein (2008), có 6 mối quan hệ giữa nhà nước và XHDS thường được nhắc đến, đó là (i) xã hội dân sự tách biệt khỏi nhà nước; (ii) xã hội dân sự phản đối nhà nước; (iii) xã hội dân sự hỗ trợ nhà nước; (iv) xã hội dân sự đối thoại với nhà nước; (v) xã hội dân sự là đối tác của nhà nước; và (vi) xã hội dân sự nằm ngoài nhà nước.

Mô hình XHDS tách khỏi nhà nước khi mà các công dân tự đặt cho mình những mối quan tâm riêng và đưa ra những chương trình nghị sự/dự án không phải được xác định bởi hệ thống chính trị nhà nước. Vị thế này của XHDS thường gắn với trật tự thiết chế tự do (liberal constitutional order). Trong mỗi quan hệ này, 3 đặc điểm cơ bản được xác định: 1) Bản chất tham gia tự nguyện: tự chọn và tự quyết, không bị chi phối bởi luật pháp; ii) Tính đa dạng/đa chiều/đa nguyên của các hoạt động; iii) Thiết lập ranh giới (boundaries) với mục đích nhưng không phải là để giữ cái bên trong nó, mà mục đích là để giữ nhà nước ở bên ngoài, không được can dự.

Mô hình XHDS phản đối nhà nước thường được dẫn chứng bởi cuộc cách mạng năm 1989 dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản ở Trung và Đông Âu. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng dạng thức XHDS chống lại nhà nước tồn tại thời hậu Cộng sản không tạo nên môi trường lành mạnh cho dân chủ, và XHDS thể hiện dưới dạng biểu tình và chống đối không hẳn sẽ sản sinh ra sự ổn định về chính trị hoặc chính sách công tốt (Pereira, Maravall, and Przeworski 1993:4). Trong khi đó, cũng có người cho rằng trong bối cảnh khi các thiết chế dân chủ truyền thống không được tôn trọng hoặc không thực hiện chức năng của nó, thì “sự chống đối” hay biểu tình có thể được xem như là công cụ đối thoại trung gian giữa nhà nước và XHDS. Và nếu sự biểu tình hay chống đối được xem là bình thường và hợp pháp hoá, và được diễn ra theo chu kỳ và thậm chí được thể chế hoá, không liên quan đến bạo lực và hệ tư tưởng chống lại dân chủ, thì đó lại là

“dấu hiệu của tinh thần sống còn của dân chủ hay sự đoàn kết dân chủ” (Ekiert and Kubik 1999:194).

Mô hình XHDS ủng hộ nhà nước dựa trên quan niệm về điều kiện cần thiết cho sự ổn định và nghĩa vụ trách nhiệm của các bên (Eberly 2000, 7–8). Mô hình này nhấn mạnh vào nghĩa vụ công dân của các cá nhân trong xã hội. Tuy nhiên, mối quan hệ này thường dẫn đến trạng thái yêu/ghét nhất định. Một mặt, với nhận thức rằng sự dân chủ tự do chỉ có thể có được trong một xã hội có thiên hướng dân chủ, nên trách nhiệm của XHDS là đóng chức năng trợ giúp, ủng hộ nhà nước. Mặt khác, với nhận thức rằng nhà nước là thế lực dẫn đến việc suy giảm của XHDS, nên thái độ thù ghét với nhà nước cũng luôn xảy ra. Mô hình mối quan hệ XHDS hỗ trợ nhà nước cũng đặt ra những câu hỏi tranh luận, ví như XHDS như là những “trường công dân” có đi ngược lại XHDS như là một địa hạt tự do? hay XHDS trong các XH dân chủ tự do làm mạnh hơn hay làm xói mòn nhà nước? Các giá trị nào nên được truyền bá và thúc đẩy như thế nào? (Chambers và Kopsteins 2008).

Mô hình thứ tư - XHDS đối thoại với nhà nước – ngày càng được nhiều nhà lý thuyết quan tâm, tạo ra một cách nhìn nhận mới về sự sáng tạo và có khả năng đối thoại với nhà nước của XHDS. Sự đối thoại này được qui định bởi sự tin cậy trong đó nhà nước phải bảo vệ, ủng hộ và có trách nhiệm giải trình cho hành động của mình để trả lời cho những tiếng nói đa chiều và đa dạng trong xã hội. Trong mô hình mối quan hệ này, Jürgen Habermas (1996) nổi tiếng với quan niệm XHDS như là một địa hạt công (public sphere). Theo Habermas, địa hạt công như là một sự mở rộng của XHDS, là nơi các ý tưởng, giá trị, mối quan tâm và hệ tư tưởng trong XHDS được cất tiếng và tạo nên tính hiệu quả về mặt chính trị (Habermas 1996:367). Quan niệm này đã chuyển từ cái nhìn lưỡng nguyên (binary opposition) coi XHDS và Nhà nước là hai thực thể đối lập, sang một khái niệm 3 chiều kích (trinary

conception): XHDS như một không gian thứ ba (third space) mà trong đó có sự tham gia của cả nhà nước và xã hội (Huang, P. 1993) .

Mô hình thứ năm - XHDS như là đối tác của nhà nước – xuất phát từ quan điểm phân quyền và phân cấp quản lý, bởi nhà nước – quốc gia (nation-state) không có khả năng trên một số lĩnh vực (Cohen and Rogers 1995; Hirst 1994), và vì thế nhà nước không thể thiếu sự trợ giúp của các tổ chức phi quan phương. Ý tưởng về sự hợp tác, hay quyền lực quản trị đối từ bộ máy hành chính nhà nước tập trung thiếu hiệu quả, xa cách, thiếu quan tâm, sang nhiều cấp độ quản trị, linh hoạt, tăng quyền hơn cho các hình thức quản lý công khác của XHDS, đã có ngay từ các nhà lý thuyết xã hội học thế kỷ 19-20. Mô hình này nhìn nhận việc quản trị nhiều cấp độ (multilevel governance) (Cohen and Rogers 1995), và niềm tin rằng khi các công dân có những phương thức tự quản, họ sẽ xây dựng nền tảng của một xã hội tự chủ và tự tôn (Habermas 1996). Tuy nhiên, việc XHDS là đối tác của nhà nước cũng có những rủi ro, vì khi XHDS cũng làm những chức năng như của nhà nước, thì ranh giới giữa XHDS và Nhà nước trở nên phức tạp hơn. Vấn đề không phải là sự can thiệp của nhà nước, mà là khi XHDS làm chức năng giống như nhà nước, cũng bắt đầu hành động và trông giống như nhà nước (Chambers và Kopstein 2008).

Mô hình thứ sáu - XHDS nằm ngoài nhà nước, hay XHDS toàn cầu, nảy sinh từ thực tế rằng nhiều hiệp hội và các tổ chức phi chính phủ vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Toàn cầu hoá đã khiến cho một số chủ đề trở thành nổi cộm trong hoạt động của XHDS (ví dụ biến đổi khí hậu, môi trường, quyền con người...vv), và internet trở thành công cụ đắc lực để các nhà hoạt động xã hội tạo nên mạng lưới. Trong XHDS toàn cầu (global civil society), hai thành tố nổi bật nhất là các phong trào xã hội và các tổ chức NGOs (Keane 2003). Nếu như NGOs được coi là các tác nhân chính (key agents), thì các phong trào xã hội như là những sứ giả chính (key messengers).

Như vậy, có thể thấy mô hình mối quan hệ nào - cho dù XHDS tách biệt khỏi nhà nước, phản đối/phê phán nhà nước, hỗ trợ nhà nước, đối thoại với nhà nước, hay nằm ngoài nhà nước, thì XHDS không thể tách khỏi mối quan hệ với nhà nước. Như Chambers và Kopstein (2008) khẳng định: “thậm chí quan niệm “hậu nhà nước” (post-state) nhất về XHDS cũng phụ thuộc ở một mức độ nào đó về tự do mà chỉ nhà nước mới có thể bảo đảm”.

2.1.1.2. Xã hội dân sự và các hình thái biểu hiện của XHDS ở Việt Nam (Diễn giả: TS. Bùi Hải Thiêm)

Xã hội dân sự là một chủ đề quan trọng và còn rất nhiều ý kiến khác nhau cần phải nghiên cứu thêm. Cần ghi nhớ, sự phát triển lý thuyết về xã hội dân sự cũng như nhiều lý thuyết khác bị ảnh hưởng bởi nền tư tưởng khai sáng của phương tây. Phần trình bày này nhấn mạnh ba trường phái lý thuyết, hay nói cách khác là ba lăng kính mà chúng ta sử dụng để tự nhận thức về một vấn đề nào đó, trong trường hợp này là về XHDS.

Trường phái tự do dân chủ: trường phái này đặt trên nền tảng đầu tiên đó là sự tự trị của xã hội dân sự, của các thiết chế trong xã hội dân sự. Tự trị ở đây là tự trị về mặt cấu trúc, có thể hiểu theo nghĩa là độc lập tương đối với nhà nước, hay là đối thoại với nhà nước, hay là làm đối tác với nhà nước. Điều quan trọng nhất đối với trường phái này là khái niệm tự trị. Nó xuất phát nghĩa là tự trị của cá nhân trước nhà nước. Cá nhân có tự do hay không, theo trường phái tư duy này, nó phải có tự trị, tự trị trong tư tưởng, tự trị của cá nhân và sau đó là tự trị về mặt thiết chế của xã hội dân sự, khi đó xã hội mới phát triển được.

Trên cơ sở đó có rất nhiều nghiên cứu về xã hội dân sự tập trung vào mối quan hệ với nhà nước. Mối quan hệ này đôi lúc có mâu thuẫn nhưng về cơ bản là hài hòa và tương hỗ, tương trợ lẫn nhau. XHDS cùng nhà nước chung tay để phát triển xã hội. Trong mô hình lý tưởng hợp tác này nhà

nước và xã hội dân sự luôn luôn bên cạnh nhau, nhưng đây là khi nhà nước và xã hội dân sự chung một lý tưởng về tự do dân chủ. Trường phái này coi trọng mối quan hệ với thị trường vì trong mô hình của văn minh phương Tây hiện đại, đương đại thì thị trường là số một, nhà nước và các thiết chế khác vẫn là ở đẳng sau để hỗ trợ. Thị trường là quan trọng nhất, là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà nước, vai trò của nhà nước cũng như vai trò của xã hội dân sự. Thị trường chính là nơi phát sinh và phát triển xã hội dân sự. Mô hình này khi được đem đi sử dụng ở châu Á, Mỹ Latinh hay ở rất nhiều nơi thì gặp phải thách thức đó là giá trị nền tảng khác với văn minh phương Tây.

Trường phái xã hội dân chủ: trường phái này thấy nhiều ở mô hình Bắc Âu. Tuy nhiên, có sự giao thoa giữa Trường phái dân chủ tự do với Trường phái xã hội dân chủ trong rất nhiều địa hạt, lĩnh vực đôi khi rất khó có thể vẽ một làn ranh rõ ràng tách biệt giữa hai trường phái này. Trong trường phái xã hội dân chủ lý tưởng vẫn coi tự do khai phóng là nền tảng nhưng nhà nước lại đóng vai trò quan trọng. Trường phái này nhấn mạnh vào vai trò của nhà nước, khác với trường phái dân chủ tự do nhấn mạnh vào thị trường. Đề cao vai trò can thiệp tích cực của nhà nước trong tất cả các địa hạt như thị trường và xã hội dân sự. Chính vì vậy chúng ta đôi khi không cảm thấy xã hội dân sự độc lập. Nhà nước tạo lập ra các nền tảng và khuôn khổ pháp lý để xã hội dân sự hoạt động, hướng tới mục đích để phát triển xã hội. Phát triển xã hội bao gồm dân chủ hóa, văn hóa xã hội và tất cả các cái địa hạt liên quan. Trường phái dân chủ xã hội này nhấn rất mạnh vào các yếu tố đạo đức và cộng đồng, cộng đồng và đạo đức trong phát triển kinh tế, phát triển thị trường cũng như là phát triển xã hội. Do đó các khái niệm gần đây phát sinh nhiều từ trường phái này, ví dụ như doanh nghiệp xã hội.

Trong trường phái xã hội dân chủ thì nhà nước đóng vai trò trung tâm, can thiệp tích cực vào các thiết chế khác như là thị trường hay là xã hội dân sự.

Chính vì vậy, trong mô hình này có sự dịch chuyển lớn hơn và không tĩnh như mô hình tự do dân chủ. Có sự dao động giữa các thực thể khác nhau, và sự giao thoa giữa xã hội dân sự và thị trường ở trong mô hình này. Khái niệm doanh nghiệp xã hội mà gần đây được tiếp cận nhiều đó chính là sản phẩm của sự giao thoa giữa thị trường và xã hội dân sự. Dần dần chúng ta sẽ nhìn thấy nhiều sự giao thoa hơn giữa nhà nước và thị trường, nhà nước và xã hội dân sự, tức là sự giao thoa tương tác trở nên nhiều hơn. Như vậy, mô hình thứ hai không có sự phân biệt rạch ròi với cả mô hình đầu tiên về lý thuyết cũng như về giá trị và khái niệm.

Thực ra các nhà tài trợ, chính phủ các nước châu Âu, Mỹ hay các thiết chế về mặt kinh tế tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế, hay là các tổ chức quốc tế khác, thì phần lớn hiện nay vẫn đang phát triển các chương trình hành động cũng như các nghị trình dựa trên những nền tảng tư tưởng căn bản này. Có thể có đôi chút chỉnh sửa hoặc là thay đổi, nhưng về cơ bản là theo tư tưởng khai sáng.

Trường phái phê phán hiện thực: Trường phái này cho đến nay còn tương đối ít xuất hiện, kể cả trong hiện thực xã hội hiện nay. Trong nghiên cứu thì cũng có rất ít nghiên cứu sử dụng phương pháp này. Phương pháp này về cơ bản nhìn nhận xã hội dân sự với tư cách là một tiến trình, một quy trình chứ không phải là một cấu trúc. Chúng ta bị ảnh hưởng bởi tư duy nhìn xã hội dân sự như là một cấu trúc, hệ thống nên gặp nhiều vấn đề không giải quyết được. Khi nhìn nhận xã hội dân sự với tư cách một tiến trình thì sẽ giúp giải quyết được một số vấn đề căn bản.

Khi nhìn xã hội dân sự như một tiến trình thì xã hội dân sự gồm tất cả các hoạt động, các thực thể tham gia tương tác trong không gian công, như nhà nước cho đến thị trường hay là các thực thể trong xã hội dân sự hay thực thể về pháp luật, đạo đức. Tất cả đều tham gia và tương tác trong

không gian công. Cách nhìn về xã hội dân sự như vậy sẽ đa dạng hơn, và ở một khía cạnh phức tạp hơn. Ở đây có sự cọ sát giữa rất nhiều tư tưởng về mặt luật pháp, về mặt giá trị, về các nguyên tắc chính trị, về các hoạt động, về các hành động tập thể..., những cọ sát này đôi khi tạo ra những xung đột rất gay gắt, đôi khi cũng tạo ra những xu hướng và tạo ra sự phát triển mới.

Chính vì vậy khi nhìn về khía cạnh tiến trình thì nhấn mạnh vào khía cạnh va chạm và xung đột, hay là mâu thuẫn. Trường phái này thực ra cũng liên quan đến nguồn gốc chủ nghĩa Marx-Lenin, ở góc độ mâu thuẫn dẫn đến sự phát triển. Trường phái này nhấn mạnh đến tất cả những tương tác tạo ra mâu thuẫn, tạo ra động lực phát triển xã hội. Xã hội dân sự là điển hình cho sự tạo lập, giải quyết và phát triển qua các mâu thuẫn đó. Cái không gian công cộng này chính là nơi để các thiết chế và các thực thể khác nhau tương tác.

Người nói một cách chi tiết nhất về xã hội dân sự của trường phái này là Antonia Gramsci, ông này vốn là nguyên Tổng bí thư đảng cộng sản Ý từ những năm 1930. Ông nhấn mạnh xã hội dân sự là nơi cạnh tranh, đấu tranh để tạo lập ra cải cách xã hội về mặt dân chủ. Đối với Mác, Lê nin trước thời đó thì nhấn mạnh về hạ tầng cơ sở quyết định tất cả mọi thứ. Hạ tầng cơ sở ở đây chính là hạ tầng về mặt kinh tế. Gramsci nhấn mạnh về khía cạnh xã hội dân sự nhưng ông có cái nhìn khác với Marx-Lenin ở chỗ ông không nhấn mạnh nền tảng kinh tế mà ông nhấn mạnh về nền tảng văn hóa và tư tưởng. Chính vì vậy mà nhìn nhận xã hội và dân sự là mối quan hệ quyền lực. Mối quan hệ quyền lực ở đây có nghĩa là ở đâu có tồn tại bất bình đẳng, bất công thì đó là có mâu thuẫn và tạo lập các vận động của xã hội dân sự.

Từ đó sẽ thấy cách nhìn phê phán hiện thực cũng có những giá trị nhất định

trong các nghiên cứu ở những nơi rất khó phân định đâu là tổ chức xã hội dân sự độc lập với nhà nước, đâu là tổ chức phi chính phủ của nhà nước, tức là khó khăn trong việc xếp phân loại các cái tổ chức do cái nhìn xã hội dân sự dưới dạng cấu trúc.

Từ khi Việt Nam thiết lập nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 1986 đã có nhiều tổ chức phi nhà nước ra đời. Nếu đánh giá theo dạng cấu trúc thì chúng ta gặp khó trong việc phân loại tổ chức nào làXHDS, tổ chức nào là nhà nước. Ví dụ các tổ chức quần chúng như mặt trận, công, nông, thanh, phụ, lão thì xếp vào XHDS hay không vì các tổ chức này đều gắn vào nhà nước. Nhưng với cái nhìn về mặt tiến trình thì có thể vượt qua được sự khó khăn trong phân loại này. Khi đó ta chỉ phân loại các tổ chức dựa vào các tiến trình họ tham gia, ví dụ như cung cấp dịch vụ công, thực thi những chính sách của nhà nước, tham gia tiến trình giám sát và phản biện xã hội, vận động chính sách.

Gần đây có một sự chuyển hướng rất lớn của rất nhiều tổ chức trong nước từ cung cấp dịch vụ công sang lĩnh vực vận động chính sách, những chính sách ở quy mô nhỏ, những vấn đề chính sách rất cụ thể, rất sát sườn với người dân, như là vấn đề chặt cây xanh, hay là vấn đề đưa hấu ở Bình Thuận năm ngoái, hay là ô nhiễm môi trường. Xuất hiện nhiều hơn các tương tác giữa các trạng thái khác nhau trong không gian ảo, không gian thật, từ đó tạo lập ra những phong trào xã hội. Nói cách khác các biểu hiện của xã hội dân sự của Việt Nam mang tính chất tiến trình nhiều hơn là mang tính cơ cấu hay là cấu trúc. Nếu sử dụng lăng kính Gramsci thì sẽ thấy ở đâu có bất bình đẳng, bất công xã hội thì ở đó sẽ tồn tại một tiến trình xã hội dân sự nào đó. Từ những thảo luận trên có thể thấy cần có một mô hình linh động và rộng hơn mô hình cấu trúc để nhìn nhận và tìm hiểu về xã hội dân sự.

Một nghiên cứu gần đây của GS. Wishermann, người đã nghiên cứu rất

nhiều năm về các tổ chức phi chính phủ hay tổ chức xã hội dân sự ở Việt Nam, đưa ra một nhận định rằng các tổ chức dân sự ở Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội nhưng cũng đang tạo lập và củng cố nền tảng vững chắc cho các hình thái chính trị chuyên chế. Các tổ chức xã hội dân sự, trong nghiên cứu của ông, đã nhận rất nhiều viện trợ của các chính phủ và các thiết chế tài chính phương Tây dưới các chương trình hỗ trợ sự phát triển của xã hội dân sự, nghĩa là thúc đẩy tự do, dân chủ nhưng lại đang hỗ trợ cái nền tảng của cái nền chính trị chuyên chế. Một góc nhìn thú vị về xã hội dân sự Việt Nam rất cần được thảo luận thêm.

2.1.2. Thảo luận chung

2.1.2.1. Quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự

Nhiều ý kiến cho rằng quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự khá đa dạng, phức tạp, và không chỉ có một kiểu quan hệ giữa xã hội dân sự và nhà nước ở trong một quốc gia. Xã hội dân sự là đa dạng, đa nguyên và tùy vào vai trò và cách tiếp cận của từng nhóm, tổ chức xã hội dân sự khác nhau thì sẽ có những kiểu quan hệ với nhà nước khác nhau. Ví dụ, những tổ chức tập trung cung cấp dịch vụ cho người nghèo thì có thể có mối quan hệ đối tác hoặc hỗ trợ nhà nước. Những nhóm tập trung vào vận động chính sách, vận động xã hội thì có mối quan hệ đối thoại với nhà nước. Chính vì vậy không thể có một mối quan hệ đồng nhất giữa “xã hội dân sự” và “nhà nước”.

Một ý kiến tìm hiểu thêm về quan hệ giữa nhà nước và XHDS trong mối liên quan với vai trò của hai thực thể này như thế nào. Một diễn giả cho rằng quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự là một mối quan hệ khá chặt chẽ. Khi nói về khuynh hướng lý thuyết thì có hai khuynh hướng chính, thứ nhất là đặt nhà nước là đối tượng trung tâm để từ đó nhìn về xã hội dân sự, và thứ hai là giảm vai trò của nhà nước và tăng vai trò của xã hội dân sự lên. Nếu nhà nước làm quá nhiều thì có nghĩa là nhà nước can thiệp quá nhiều vào xã hội dân sự, có thể dẫn đến việc phá hủy lĩnh vực tự trị của xã hội dân sự.

Còn khi làm quá ít thì có thể nhà nước không đảm bảo được những nguyên tắc luật pháp để duy trì tính tự trị của xã hội dân sự.

Một diễn giả khác cho rằng nếu dùng lăng kính của phê phán hiện thực thì đúng là nhà nước coi xã hội dân sự là địa hạt cần phải kiểm soát để xác lập tính chính đáng hay là chính danh về mặt chính trị của mình. Nhà nước sẽ tìm mọi cách để thâm nhập xã hội dân sự và thâm nhập ở đây theo nghĩa là kiểm soát về mặt tư tưởng, văn hóa. Kiểm soát đây có thể là đè nén áp bức, cũng có thể là thiết lập, tạo lập những các luật chơi, những giá trị, chuẩn tắc để ảnh hưởng đến các tổ chức XHDS. Trong quá trình thâm nhập vào XHDS hay vào thị trường thì nhà nước luôn luôn có lợi thế.

2.1.2.2. Xã hội dân sự có cần phải được thừa nhận bởi nhà nước?

Khá nhiều đại biểu băn khoăn về việc xã hội dân sự Việt Nam chưa được thừa nhận chính thức bởi nhà nước. Có đại biểu cho rằng xã hội dân sự [Việt Nam] phát triển nhưng vẫn chưa được công nhận, và cần phải làm để XHDS được công nhận để thành thông lệ như tất cả các nước trên thế giới. XHDS đã làm nhiều việc như phản biện vụ xăng xe làm cháy phương tiện những năm 2012-2013, vụ bảo vệ cây xanh Hà Nội, hoạt động cung cấp dịch vụ cho các nhóm yếu thế. Đại biểu cũng gợi ý cần chỉ ra lợi thế của xã hội dân sự so với nhà nước để thuyết phục nhà nước thấy và thừa nhận vai trò của XHDS để từ đó nhà nước tiếp sức cho XHDS chứ không phải là kìm hãm.

Diễn giả Bùi Hải Thiêm cho rằng xã hội dân sự là một khái niệm rất trừu tượng, hiện còn chưa đồng nhất về một định nghĩa chung cho xã hội dân sự. Trong khi kinh tế thị trường tương đối chuẩn tắc, xã hội dân sự không có khái niệm nhất quán nên rất khó công nhận. Tuy nhiên, cách hiểu chung của rất nhiều nơi thì công nhận hay không công nhận không phải vấn đề pháp lý. Mà thừa nhận xã hội dân sự là thừa nhận sự đa nguyên, sự phản

biện thậm chí là trái chiều trong tất cả các địa hạt khác nhau. Như vậy, nếu thừa nhận sự đa nguyên chính là tạo nền tảng để xã hội dân sự vận hành, và như vậy không cần đặt vấn đề công nhận.

Một số ý kiến đồng tình với ý kiến trên và cho rằng XHDS không cần phải được nhà nước thừa nhận vì rõ ràng xã hội dân sự tồn tại và phát triển như một phần tất yếu bên cạnh kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền. Xã hội dân sự như bản chất của nó là sự kết nối, hiệp hội và hành động tập thể để giải quyết vấn đề chung thì luôn luôn tồn tại trong xã hội. Do đó, xã hội dân sự không cần phải được thừa nhận mới tồn tại, mà quan trọng là nhà nước với trách nhiệm của mình đưa ra các khung pháp lý mang tính khế ước xã hội để cuộc sống hiệp hội và XHDS hoạt động.

2.1.2.3. Thành phần của XHDS Việt Nam

Có đại biểu cho rằng ngoài quan điểm về cấu trúc chức năng và quan điểm về ý thức xung đột thì chúng ta cần nhìn XHDS từ khía cạnh xã hội học, mối quan hệ giữa xã hội dân sự, nhà nước và thị trường – đó là quan điểm tương tác biểu trưng, xem xét về góc độ vi mô trong những tương tác cụ thể, từng vụ việc của từng nhóm xã hội dân sự với chính phủ hay là đối với nhà nước để hiểu hơn về XHDS Việt Nam.

Đối với xã hội dân sự Việt Nam, có những mảng xã hội dân sự liên quan đến chính trị, tuy nhiên hầu như không được đề cập. Khía cạnh này không được đề cập vì sự hiểu khác thường, méo mó về chính trị, coi chính trị là gắn liền với nhà nước. Chính vì vậy, khi XHDS hoạt động có tính chính trị thì bị nghi ngờ là thách thức quyền lực chính trị của nhà nước.

Ngoài mảng chính trị, mảng tôn giáo cũng bị bỏ qua. Mặc dù gần đây tôn giáo có nhiều sự thừa nhận hơn, nhưng khi thảo luận về các vấn đề thì vẫn bỏ qua tôn giáo. Cho nên nền tảng của tôn giáo, niềm tin, đạo đức – dẫn dắt

hành vi của con người- thì lại không được đề cập. Điều này cũng làm cho việc nhìn nhận xã hội dân sự Việt Nam không đầy đủ.

Phần thứ ba là báo chí, báo chí Việt Nam được biết đến là công cụ của chính phủ, và bây giờ công cụ đó đã vượt quyền kiểm soát của chính phủ với sự ra đời của mạng xã hội, của internet, và từ đó phát triển cái gọi là báo chí công dân. Báo chí cũng nên là một phần của xã hội dân sự. Tuy nhiên khía cạnh này thì hầu như ít được xem xét, ít được đề cập cho dù báo chí là quyền lực thứ tư đang nổi lên và dẫn dắt những hành vi tập thể của xã hội.

Một hợp phần nữa của xã hội dân sự mà chưa đề cập đó là vai trò của giới hàn lâm. Ở nhiều nước trên thế giới, giới hàn lâm hầu như độc lập và không phụ thuộc vào chính phủ. Đây là một trong những lực lượng quan trọng trong xã hội. Tuy nhiên, dường như giới khoa học ở Việt Nam vẫn phụ thuộc và bị kiểm soát bởi nhà nước. Hiện nay những người làm công tác khoa học ở nhiều lĩnh vực cũng đang dần trở nên độc lập hơn trong các phản biện, và cần phải thảo luận nhiều hơn vai trò của khối hàn lâm trong xã hội Việt Nam hay với xã hội dân sự VN. Chính vì thế cần nhìn nhận xã hội dân sự đầy đủ, để đưa ra những định hướng phát triển xã hội dân sự toàn diện.

Tiếp tục mạch ý kiến này, một đại biểu khác cho rằng nghệ thuật nói chung và điện ảnh nói riêng cũng được xem là một phần của XHDS nhưng cũng đang vắng bóng trong các cuộc thảo luận. Như câu chuyện đạo diễn Trần Văn Thủy làm phim Chuyện Tử Tế đã gây một tiếng vang rất lớn vào khoảng ba mươi năm trước. Bộ phim Chuyện Tử Tế thực ra là một bộ phim phản biện xã hội về mặt tiêu cực của xã hội. Phim Chuyện Tử Tế hình thành hoạt động phản biện về tất cả những điều tiêu cực. Điện ảnh cũng như xã hội dân sự, cũng như là các tổ chức phi chính phủ tham gia phản biện các vấn đề xã hội. Ví dụ như phản biện về thuế tiêu thụ đặc biệt áp cho thuốc lá, thuốc lá thì rất rẻ trong khi giá sữa thì quá đắt. Như lời của tiến sĩ Lê Đăng

Doanh nói về sự vô lý này đó là các cụ già và trẻ em rất cần sữa thì giá sữa rất kinh khủng.

Bên cạnh đó, XHDS Việt Nam cũng thiếu vắng các hội có thành viên hoạt động. Một đại biểu từ miền Nam nói về Tổ chức Hướng đạo hiện nay có hàng nghìn thành viên nhưng chưa được phép đăng ký hoạt động như là một tổ chức XHDS. Ở miền Bắc trước đây có Hội chữ thập đỏ và Hội hướng đạo Việt Nam đều được Bác Hồ nhận làm chủ tịch danh dự. Nhưng mà sau đó Hội hồng thập tự (chữ thập đỏ) trở thành một tổ chức của nhà nước. Còn tổ chức Hướng đạo bây giờ không đăng ký được tư cách pháp nhân.

Bình luận về vấn đề 6 đoàn thể như mặt trận, rồi công nông, phụ lão có xếp vào xã hội dân sự hay không, một di ễn giả cho biết nhiều nghiên cứu cũng đã bản khoản về vấn đề này và cũng đã đặt câu hỏi. Ví dụ một nghiên cứu về xã hội dân sự cách đây khoảng chục năm đặt vấn đề phân loại XHDS, và rất khó xếp các tổ chức đoàn thể ở đâu trong bối cảnh của Việt Nam. Chính vì vậy cần phải chuyển khỏi cách nhìn về mặt cấu trúc thì mới có thể giải quyết được bài toán này. Nên xem xét khía cạnh tính chất hoạt động của sáu đoàn thể này, những hoạt động nào mang tính chất tiến trình hỗ trợ, phân tích, phản biện, giám định chính sách, tranh biện chính sách... thì đó là những hoạt động mang tính chất của xã hội dân sự. Không nhất thiết là cứ hoạt động nào của các tổ chức này cũng chỉ là của nhà nước. Theo đó, nhiều tiến trình của các tổ chức này hiện nay mang tính chất của hoạt động xã hội dân sự và ngày càng tiếp cận và tiến gần tới tiến trình xã hội dân sự.

Báo chí là một thiết chế tương đối độc lập ở nhiều nước trên thế giới. Thế nhưng ở Việt Nam hiện nay không như vậy bởi vì theo đúng Luật báo chí thì báo chí là lực lượng của nhà nước, phản ánh quan điểm và chính sách của nhà nước. Như vậy báo chí VN về cấu trúc, thể chế thì không phải là XHDS. Thế nhưng mà về mặt tiến trình, về mặt vận động mang tính chất

xã hội thì báo chí cũng có rất nhiều đặc trưng của xã hội dân sự. Hiện nay, sự tương tác của báo chí chính thống với mạng xã hội ngày càng cao. Hiện nay Việt Nam có khoảng mười tám ngàn nhà báo mang thẻ. Chưa có một con số thống kê chính thức nhưng mà ít nhất cũng có mười lăm đến mười bảy ngàn nhà báo chính thức có tài khoản mạng xã hội, tài khoản đây kể cả tài khoản blog, tài khoản facebook. Tất cả các nhà báo này đều tương tác trên các diễn đàn khác nhau và mỗi người có hàng ngàn bạn bè. Trong bối cảnh tương tác như vậy, tin tức, phân tích, bình luận, phản biện chính sách có thể xuất hiện từ báo chí chính thống hoặc là mạng xã hội. Khi sự tương tác ngày càng mạnh thì vai trò của báo chí ngày càng lớn trong các cái tiến trình vận động xã hội dân sự.

Tuy nhiên, không xem xét cấu trúc mà chỉ tập trung vào hoạt động, tiến trình cũng còn có nhiều điều chưa lý giải được. Việc nhìn sâu vào tiến trình mang lại một số biện giải về các tiến trình hay hiện tượng trong xã hội nhưng liệu có thể bỏ qua yếu tố về cấu trúc. Bởi những hình thái cấu trúc xã hội dân sự tồn tại như thế nào thì sẽ liên quan đến cách thức tiến trình.

2.1.2.4. Khía cạnh lịch sử phát triển của XHDS Việt Nam

Một số đại biểu thảo luận về lịch sử hình thành của XHDS Việt Nam, cho rằng XHDS tồn tại là một quá trình nội sinh khách quan chứ không phải là một quá trình du nhập ngoại lai từ phương Tây vào. Theo hướng này, một số đại biểu cho rằng các thiết chế làng xã của Việt Nam thời phong kiến chính là hình thái tồn tại đầu tiên của XHDS ở Việt Nam.

Tuy nhiên có đại biểu cho rằng XHDS hình thành ở Việt Nam khi có nền kinh tế thị trường phát triển, cụ thể là khi người Pháp vào Việt Nam. Sau đó có một xã hội kháng chiến kéo dài đến năm 1954 thì bắt đầu chia đôi, một là xã hội xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và xã hội tư bản kinh tế thị trường ở miền Nam. Sau năm 1975 chúng ta chỉ có xã hội xã hội chủ nghĩa. Từ khi

đổi mới vào năm 1986 thì chúng ta có xã hội kinh tế thị trường định hướng XHCN. Trong từng giai đoạn sự thăng trầm củaXHDS cần phải được hiểu như thế nào theo lý thuyết cấu trúc hay lý thuyết xung đột? Những phong trào như Bình dân học vụ, Đông kinh nghĩa thực thì sử dụng lý thuyết nào để hiểu tốt hơn về XHDS Việt Nam?

Dường như khó có câu trả lời cụ thể cho câu hỏi các thiết chế làng xã ở Việt Nam có phải là các thiết chế xã hội dân sự và vận hành theo mô hình XHDS. Càng khó trả lời nếu phân tích và mong muốn có một sự nhất quán, dùng một lăng kính nhất quán để đánh giá toàn bộ giai đoạn, tiến trình lịch sử của 150 năm từ khi thực dân Pháp vào. Để giải thích, có lẽ mỗi giai đoạn sẽ ứng với một lăng kính nào đó, quan trọng là chọn lăng kính nào để hiểu sâu hơn về giai đoạn đó. Chắc sẽ không có loại siêu lý thuyết để giải quyết tất cả vấn đề trong một giai đoạn lịch sử nhiều biến động như vậy.

Tuy nhiên, các thiết chế của làng xã chỉ là hình thức biểu hiện ban đầu của trạng thái xã hội dân sự. Ở làng xã, những cấu trúc đơn vị rất nhỏ, không mang tính chất phổ quát, không lan rộng ra các tầng lớp xã hội. Chỉ đến khi lĩnh vực thị dân phát triển, và thị trường xuất hiện thì dần dần làng xã mới phát triển với quy mô lớn, có sự tương tác làm tăng động năng của xã hội. Theo một diễn giả trong thời phong kiến vẫn chưa có hình thức XHDS và như vậy thì chưa có vấn đề quan hệ nhà nước và xã hội dân sự trong thời phong kiến. Điều này chưa kể đến tranh luận liệu Việt Nam có chế độ phong kiến hay không.

Một đại biểu cho rằng để có thị trường chúng ta phải nói đến tính tự trị và sở hữu tài sản. Trong xã hội phong kiến sở hữu là của nhà nước nhưng tính tự trị của các làng xã thì rất cao. Trong khi đó ở xã hội hiện đại của Việt Nam hiện nay vẫn là sở hữu toàn dân, thật ra cũng là sở hữu nhà nước, thế nhưng mà cái tính gọi là tự trị, tự quản của xã hội dân sự thì hạn chế. Câu

hỏi đặt ra là tại sao đồng tính chất về mặt sở hữu nhưng tương tác giữa nhà nước và xã hội dân sự hoặc là người dân/làng xã thì lại khác nhau như thế?

Diễn giả Bùi Hải Thiêm cho rằng đây là một câu hỏi về mặt lý thuyết khá là quan trọng. Về khía cạnh sở hữu, trong giai đoạn cứ tạm gọi là phong kiến thì chưa có các giao dịch vì chưa có tư hữu, nghĩa là chưa có một loại hàng hóa trên thị trường. Trong thời đại hiện nay vẫn là sở hữu toàn dân, nhưng có tương tác về mặt thị trường liên quan đến quyền (sở hữu) sử dụng đất đai. Rồi có nhiều tài sản khác tạo ra các giao dịch trên thị trường, từ đó sinh ra sự độc lập, hay nói chung là sự tự trị của các cá nhân và đó cũng là một yếu tố tạo dựng cho sự phát triển củaXHDS hiện nay.

[Chủ đề này được thảo luận thêm trong bài của GS. Nguyễn Đăng Dung trong phiên “không gian truyền thống và không gian mạng của XHDS Việt Nam]

2.1.2.5. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa và chuẩn mực quốc tế đến XHDS Việt Nam

Có đại biểu cho rằng cần phải quan tâm đến vấn đề toàn cầu hóa vì chúng ta đang sống trong bối cảnh toàn cầu hóa, có nhiều tác động của các yếu tố quốc tế đến môi trường của một quốc gia. Không chỉ có chính phủ Việt Nam mà chính phủ của nhiều nước đều chịu ảnh hưởng của các phong trào quốc tế, của cái “bên ngoài” vào cái “bên trong”.

Một diễn giả cho rằng thế giới ngày càng phẳng hơn là do công nghệ, thương mại và kết nối toàn cầu tạo ra không gian dân sự toàn cầu. Không gian này thúc đẩy sự chia sẻ, học hỏi, cũng như lan tỏa các giá trị và chuẩn mực quốc tế. Một ví dụ là phong trào LGBT ở Việt Nam rất là thành công một phần do được kết nối với phong trào LGBT trên thế giới. Chính việc gắn phong trào LGBT vào phong trào chung, học hỏi và trao đổi nên đã góp phần tạo ra thành công ở VN.

Diễn giả Bùi Hải Thiêm cho rằng câu hỏi các nước đang phát triển giống như Việt Nam bị tác động như thế nào, ở khía cạnh nào từ khi hội nhập hoặc từ bên ngoài là quan trọng. Thực tế VN chủ yếu du nhập các thiết chế, chuẩn tắc, các giá trị từ bên ngoài vào hệ thống pháp luật, hệ thống kinh doanh. Chúng ta nhìn rất rõ từ khoảng hai mươi, ba mươi năm nay VN du nhập rất nhiều, bao gồm cả các chuẩn tắc về pháp lý. Có học giả nước ngoài nghiên cứu về hệ thống pháp luật kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn hai mươi năm, ba mươi năm qua, đặc biệt là trong giai đoạn chúng ta hội nhập WTO cho thấy việc du nhập này rất sâu và rộng. Ngay cả trong những cái tranh luận gần đây liên quan đến luật như Luật tiếp cận thông tin, dự thảo Luật biểu tình, chúng ta đều thấy bóng dáng của tất cả những quy phạm, chuẩn tắc quốc tế. Khi chúng ta hội nhập quốc tế thì quốc tế ảnh hưởng đến các tranh luận chính sách, đến diễn ngôn và diễn luận chính trị, pháp lý ở Việt Nam. Đây chính là hình thái biểu hiện rõ nhất của các cái yếu tố từ bên ngoài ảnh hưởng đến chúng ta.

2.1.2.6. Vấn đề nghiên cứu, giảng dạy và thảo luận về XHDS

Chủ đề này cũng được một số đại biểu nêu ra cho thấy sự “yếu”, “mỏng” của công việc nghiên cứu và giảng dạy về XHDS. Một giảng viên đại học cho rằng khi bàn về XHDS thì cũng phải bàn về xã hội là cái gì, phải có một lý giải triết học về xã hội. Rất tiếc trong hệ thống triết học của chúng ta, trong giáo trình triết học không hề có hệ thống triết lý về xã hội. Người ta chỉ nói đến hình thái kinh tế xã hội nhưng không định nghĩa xã hội là gì cả. Khi định nghĩa xã hội, người ta định nghĩa là hình thái xã hội chứ không từ khái niệm định nghĩa xã hội cho nên chúng ta bế tắc ngay từ trong cái cơ sở triết học của mình. Vì vậy, chúng ta nhìn vào cơ sở triết học của lý thuyết, các lý thuyết của xã hội dân sự, theo tôi đây chính là các tư tưởng của phương Tây.

Một đại biểu từ miền Nam cho rằng chủ đề về XHDS rất ít khi được thảo luận ở miền Nam. Đại biểu này cho rằng sau khi thống nhất đất nước thì

thảo luận về xã hội dân sự hầu như không có, sự tham gia của người dân không cao. Hiện nay, một việc đơn giản như là đăng ký tư cách pháp nhân để chính thức hóa việc đóng góp cùng nhà nước, cùng xã hội để phát triển cũng là một thử thách lớn ở miền Nam.

Một đại biểu khác cũng đồng ý với ý kiến của đại biểu ở miền Nam và cho rằng nếu hội thảo này ở miền Nam thì rất có ích. Đại biểu cũng chia sẻ đã có tiền đề để nghiên cứu về xã hội dân sự, “Nghị quyết 37 của Đảng cộng sản Việt Nam tuyên bố sẽ nghiên cứu xã hội dân sự từ nay cho đến năm 2030. Nghị quyết số 37 của đảng cộng sản Việt Nam năm 2014 vừa mới công bố xong, trong đó có một mục về nghiên cứu xã hội dân sự.” Như vậy, việc nghiên cứu về XHDS sẽ có cơ sở để khởi sắc trong thời gian tới.

Đại biểu này cho rằng 150 năm trước đây Hegel và Marx cũng đã tranh luận về mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự. Hegel cho rằng xã hội dân sự là khu vực trung gian giữa nhà nước và dân chúng, nhưng xã hội dân sự phụ thuộc vào nhà nước. Còn Marx lại nói rằng chính xã hội dân sự mới là nhân tố thân thiện và là nhân tố nhân tạo để làm cho nhà nước chính trị phải dựa vào xã hội dân sự và gia đình để tồn tại. Trong đó gia đình là nhân tố tự nhiên, còn xã hội dân sự là nhân tố nhân tạo. Vậy nếu không có hai nhân tố này thì các nhà nước chính trị không tồn tại, đây là lý thuyết của Marx. Nhưng ở Việt Nam chúng ta coi trọng lý thuyết của Marx nhưng mà chúng ta làm ngược lại và nhiều tuyên bố trên báo chí, ví dụ như xã hội dân sự diễn biến hòa bình, là không có một cơ sở lý luận. Chính vì vậy, tôi nghĩ rằng chúng ta phải có những nghiên cứu nghiêm túc về xã hội dân sự Việt Nam.

2.1.2.7. Vấn đề không gian XHDS Việt Nam

Một đại biểu quốc tế cho biết trên thế giới rất nhiều nước đang gặp khó khăn giống như Việt Nam, và xã hội dân sự ở Việt Nam không phải là ngoại lệ và phát triển chậm. Ví dụ ở một số nước ở Mỹ Latinh, châu Phi

hay Nga, không gian dân sự càng ngày càng tẻ đi, và có nhiều lý do khác nhau. Một trong các lý do là chính quyền kiểm soát chặt chẽ hơn, ra các chính sách mới cho NGO hay các nhóm xã hội dân sự và làm giảm tự do hơn trước. Việt Nam đang mở rộng dần dần. Việc so sánh giữa các nước là rất khó, vì văn hóa xã hội khác nhau, thể chế chính trị cũng khác nhau. Tuy nhiên, có thể do không gian của Việt Nam trước đây hẹp nên giờ mở ra thì tạo ra xu thế mở rộng, không giống xu thế một số nước trước đây rộng giờ bị thu hẹp. Nói chung, XHDS các nước cũng chia sẻ nhiều vấn đề như XHDS Việt Nam ví dụ phong trào xã hội, mạng xã hội, chuyện gây quỹ quốc tế và gây quỹ trong nước, quan hệ giữa doanh nghiệp và xã hội dân sự, quan hệ với nhà nước.

2.2. Phiên thảo luận: vai trò của các tổ chức XHDS trong phát triển kinh tế (Người điều hành: Ths. Ngô Thị Thu Hà)

2.2.1. Phần trình bày

2.2.1.1. Hình thành, hoạt động và hướng phát triển của các tổ chức xã hội phi chính thức: nghiên cứu trường hợp các nhóm thiện nguyện ở Thừa Thiên Huế (Diễn giả: TS. Nguyễn Quý Hạnh)

Trong những năm trở lại đây, các nhóm, câu lạc bộ, hội quần chúng hoạt động với mục đích từ thiện, phục vụ lợi ích cộng đồng ngày càng gia tăng. Các nhóm, hội ra đời từ những tấm lòng đầy nhân ái kết hợp với những yêu cầu thực tại của xã hội. Tuy nhiên do được hình thành một cách tự phát, quy mô nhỏ, hoạt động theo phương thức bán thời gian, bán chuyên nghiệp, các nhóm thiện nguyện này tồn tại và hoạt động tự do, không có cơ quan chủ quản, không có tư cách pháp nhân. Những hoạt động từ thiện, nhân đạo của các nhóm dựa trên nguồn kinh phí tự gây quỹ ở địa phương, còn nhận tài trợ từ các cá nhân là người nước ngoài và Việt kiều đang sinh sống ở nước ngoài hoặc từ một số tổ chức phi chính phủ khác. Đặc biệt có một số nhóm được thành lập bởi ý tưởng

và hỗ trợ của các cá nhân ở nước ngoài, do vậy bên cạnh hoạt động thiện nguyện và phát triển cộng đồng, khả năng kết nối và thúc đẩy quan hệ đối ngoại nhân dân của các tổ chức xã hội phi chính thức này rất tốt nên cần được hỗ trợ để phát huy.

Đối với các nhóm có nguồn gốc tự thân, đa phần các câu lạc bộ, đội, nhóm thiện nguyện được thành lập xuất phát từ niềm đam mê thiện nguyện và mong muốn đóng góp phần sức lực nhỏ bé của tuổi trẻ để góp phần xoa dịu các mảnh đời bất hạnh, các hoàn cảnh đang còn nhiều khó khăn trong xã hội, làm cho cuộc sống thêm phần thuận lợi hơn và trở nên có ý nghĩa. Thêm nữa, một số nhóm thiện nguyện tự phát được thành lập bởi những người cùng sở thích, trong đó có các nhóm mong muốn quảng bá hình ảnh vùng đất và con người xứ Huế đến mọi miền tổ quốc và bạn bè khắp thế giới, bên cạnh các hoạt động nhân đạo của mình. Đặc biệt, một số nhóm được thành lập như là cánh tay nối dài hoặc đơn vị tổ chức thực hiện các hoạt động từ thiện tại địa phương của một số đồng bào Việt kiều ở hải ngoại với niềm mong mỏi, hướng về quê hương đất nước, nơi chôn nhau cắt rốn, nhớ đến cuộc sống khó khăn ở làng quê trước khi ra đi nên họ kêu gọi mọi người trong cộng đồng Việt kiều đóng góp để giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, những người không may mắn trong cuộc sống.

Các nhóm thiện nguyện chủ yếu hoạt động để (i) hỗ trợ vật chất và tinh thần cho các hoàn cảnh khó khăn và cộng đồng thiệt thòi; (ii) Cứu trợ khẩn cấp trong các đợt thiên tai, bão lụt; (iii) Hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh và tổ chức một số đợt khám chữa bệnh miễn phí cho những bệnh nhân nghèo; (iv) Cấp học bổng và dụng cụ học tập cho học sinh nghèo hiếu học dạy, dạy tiếng Anh và nâng cao nhận thức và năng lực; (v) Tham gia gián tiếp hoặc trực tiếp vào công tác phát triển hữu nghị, tăng cường hợp tác quốc tế.

Hoạt động của các nhóm thiện nguyện tự phát được tổ chức rộng khắp trên các phường, xã của toàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong đó, họ luôn dành sự ưu tiên hỗ trợ cho các cộng đồng khó khăn ở các vùng miền núi như Nam Đông, A Lưới, vùng đầm phá và các nhóm trẻ em mồ côi, người già neo đơn tại các trung tâm bảo trợ, viện dưỡng lão, bệnh nhân có hoàn cảnh kém may mắn đang điều trị ở các bệnh viện, hoặc các hoàn cảnh đặc biệt khó khăn chưa được nhà nước hỗ trợ. Ngoài ra, một số nhóm còn hướng các hoạt động thiện nguyện đến các địa phương ở ngoại tỉnh nhất là các vùng sâu, xa, khó khăn ở một số tỉnh ở miền Trung - Tây Nguyên như cộng đồng người Rục ở xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa (Quảng Bình), đồng bào dân tộc thiểu số tại Nghi Lễ, Quế Phong (Nghệ An), xã miền núi Bắc Trà My, Nam Trà My (Quảng Nam).

Khó khăn lớn nhất và thường trực của các nhóm thiện nguyện tự phát này là không có tư cách pháp nhân, không có cơ quan chủ quản, dẫn đến các khó khăn liên quan đến đồng ý phối hợp của chính quyền địa phương, tin tưởng quyên góp từ nhà tài trợ, và phát triển tổ chức trong khi các nhóm vẫn chưa sẵn sàng và/hoặc có đủ điều kiện để thành lập một tổ chức chính thức theo quy định hiện hành của nhà nước.

Hai hình thức huy động tài trợ của các nhóm thiện nguyện là: (i) kêu gọi đóng góp các cá nhân để hỗ trợ cho một hoàn cảnh hay hoạt động cụ thể nào đó của nhóm, và (ii) tổ chức các hoạt động gây quỹ nhỏ trong nước và ở nước ngoài (chủ yếu do các nhóm Việt kiều thực hiện). Ngoài tác động của những khó khăn chung của kinh tế trong nước và nước ngoài những năm gần đây, việc không xác nhận được tư cách pháp nhân như đã phân tích ở trên và công tác vận động tài chính mang tính chất “sự kiện” là những cản trở chính để đảm bảo và tăng ngân sách hoạt động của các nhóm, trước nhu cầu cần hỗ trợ ngày một mở rộng.

Do tính chất bán thời gian, bán chuyên nghiệp của các nhóm thiện nguyện tự phát, năng lực hoạt động trở thành một yếu tố các nhóm luôn quan tâm để nâng cao. Năng lực hoạt động ở đây bao gồm cả khả năng chuyên môn, kỹ năng mềm, khả năng lãnh đạo và định hướng đối với hoạt động và tương lai phát triển của nhóm. Có thể dễ dàng nhận thấy rằng: Thành viên điều hành và hoạt động chính của các nhóm công tác xã hội đa số là thanh niên, sinh viên, tuy có niềm đam mê, nhiệt tình và tâm huyết với các hoạt động thiện nguyện, nhưng hầu như chưa từng được đào tạo chuyên môn về công tác xã hội và các kỹ năng mềm khác như kỹ năng điều hành, quản lý nhóm, v.v. Một số khác có tham gia các khóa tập huấn, đào tạo tại tỉnh đoàn, tuy nhiên, nội dung của các lớp này chủ yếu là về tuyên truyền, kỹ năng sinh hoạt tập thể, trò chơi lớn – một hình thức hoạt động “theo mô hình mấy chục năm nay rồi”, nên mất tính cuốn hút và ít hiệu quả.

Về khung pháp lý hoạt động cho các hội, cần có hướng dẫn cụ thể hơn về hội không có tư cách pháp nhân, theo tinh thần “phát huy sự đa dạng về tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ... khắc phục tình trạng hành chính hoá các tổ chức quần chúng; phát triển nhiều hình thức tự quản của dân hoạt động theo pháp luật”. Chính vì vậy mà Luật về hội cần thừa nhận các tổ chức không đăng ký tư cách pháp nhân nhưng có quyền hoạt động hợp pháp.

Để nâng cao năng lực hoạt động, cần có sự hướng dẫn và hỗ trợ việc thành lập mạng lưới để liên kết, kết nối câu lạc bộ, đội, nhóm nhằm tạo ra một diễn đàn mở để cùng chia sẻ, hướng dẫn cách thức hoạt động và đào tạo năng lực. Có các cơ chế phù hợp để thúc đẩy, hướng dẫn và tạo điều kiện để bà con Việt kiều có thể thực hiện tốt các hoạt động thiện nguyện tại địa phương nhằm tranh thủ hơn nữa tình cảm và nguồn viện trợ từ bà con Việt kiều.

2.2.1.2. Vai trò vận động chính sách của các tổ chức NGO Việt Nam

(Diễn giả: Ths. Lê Quang Bình)

Trong phần trình bày của mình diễn giả Lê Quang Bình tập trung vào vai trò vận động của các tổ chức NGOs Việt Nam. Khái niệm vận động được sử dụng trong nghiên cứu là một ý tưởng để huy động người dân hành động tạo ra thay đổi, là một quá trình thúc đẩy cho bình đẳng, công lý, và sự tham gia. Quá trình đó có thể trao quyền, nâng cao năng lực để người dân lên tiếng. Vận động cũng có thể giúp người dân hiểu hơn về quyền của mình, thực hành quyền và tham gia, gây ảnh hưởng lên quá trình ra quyết định ảnh hưởng đến tương lai của chính mình. Trong hầu hết các định nghĩa, bình đẳng và công lý luôn là mục đích cốt lõi của vận động. Như vậy, vận động (advocacy) không phải chỉ là nhằm thay đổi chính sách mà còn có ý nghĩa bao trùm hơn rất nhiều, đó là tạo ra thay đổi trong xã hội để đạt được bình đẳng và công lý.

Vận động bao gồm ba yếu tố cấu phần. Một là vận động để tạo ra thay đổi: Nó nhằm thay đổi tình trạng hiện tại, có thể bằng thay đổi chính sách, hành vi, hoặc luật pháp có ảnh hưởng đến một nhóm mục tiêu nào đó. Như vậy, “nó là một hành động chính trị tạo ra thay đổi cho cá nhân hoặc cả cộng đồng bằng cách thách thức các bất bình đẳng, phân biệt đối xử, bạo lực, hoặc gọi mở một cơ hội nào đó để hướng tới một xã hội nhân văn và công bằng” (Henderson và Pochin, 2001: 15). “Nó cũng là bảo vệ quyền tiếp cận nguồn lực và dịch vụ hoặc giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực lên cá nhân hoặc cộng đồng” (Sheafor và Horejsi, 2003: 57).

Hai là vận động để tăng tiếng nói: “Vận động hiểu đơn giản là khuếch đại tiếng nói” (Samuel, 2002: 9). “Là cách giúp những người khó khăn trong việc lên tiếng bảo vệ quyền lợi của họ, tham gia vào tiến trình ra quyết định. Nó được hiểu là đại diện cho quan điểm của một người, hoặc giúp

họ thực hành quyền của mình” (Nua Research Services, 2001). “Khi đó họ có thể gây ảnh hưởng đến tình hình, chống lại những thay đổi có hại hoặc bản cùng hóa họ” (Brandon, 1995: 1).

Ba là vận động để tăng quyền: “Khi người dân bị từ chối hoặc không thể tiếp cận nguồn lực mà họ xứng đáng có, khi họ bị từ chối thông tin hoặc cơ hội để tham gia vào quá trình ra quyết định liên quan đến cuộc đời mình, khi họ bị tước đoạt sự thật, nhân phẩm, và tự tin – khi đó xã hội cần có những người đứng ra bảo vệ quyền lợi cho họ, hoặc giúp họ lấy lại kiểm soát cuộc đời mình” (Advocacy in Action, 1990). “Khi đó, kết quả của vận động phải tăng tính tự chủ, quyền lực, quyết đoán, và quyền lựa chọn của họ” (Brandon, 1995: 1). “Nhiều người trong xã hội bị bắt lực hóa bởi hệ thống, ảnh hưởng đến toàn bộ cuộc sống của họ, đến mức họ không thể tự đảm bảo nhu cầu tối thiểu hoặc quyền cơ bản của mình. Hy vọng và ước mơ của một người có thể bị giới hạn khủng khiếp bởi điều này. Do đó vận động phải mở rộng chân trời cho họ, và phải tạo điều kiện để họ trở thành một thành viên tích cực của xã hội” (Advocacy 2000, 2002: 49).

Các tổ chức NGOs Việt Nam ngày càng tham gia vào việc vận động nhiều hơn. Trung tâm vì sự phát triển bền vững miền núi (CSDM) đã cùng mạng lưới người Thái (Vtik) thành công trong việc vận động chính quyền địa phương cho học chữ Thái. Từ việc bị cấm, bị coi là phản động khi học chữ Thái, người dân giờ đây đã được học chữ Thái tự do trong cộng đồng. Không những thế, chính quyền nhiều tỉnh còn cung cấp ngân sách để đào tạo giáo viên, in giáo trình và hỗ trợ mở các lớp dạy chữ cho cán bộ và cộng đồng. Ảnh hưởng của việc này không chỉ là người dân đã được học chữ Thái, mà quan trọng hơn là lòng tự hào vào văn hóa của mình như một câu nói nổi tiếng “học chữ Thái để làm người Thái”, từ đó đóng góp vào sự thấu hiểu, tôn trọng giữa các cộng đồng dân tộc Việt Nam với nhau.

Tương tự như vậy, các tổ chức như iSEE, ICS đã dựa vào cộng đồng LGBT để vận động thành công việc bỏ điều cấm hôn nhân đồng tính trong luật Hôn nhân và gia đình, cũng như cho người chuyển giới thay đổi giới tính, giấy tờ trong Bộ Luật dân sự. iSEE và ICS cũng vận động thành công việc thay đổi diễn ngôn và thái độ kỳ thị xã hội với cộng đồng người LGBT. Nhưng một ảnh hưởng quan trọng trên hết là sự tự tin của cộng đồng và một cuộc sống công bằng hơn cho họ.

Ngoài ra các mạng lưới như PPWG, VRN và VN-BAN đã có những thành công nhất định trong việc vận động cho quyền tiếp cận thông tin, dừng/chậm xây đập trên sông Mekong và hạn chế sử dụng amiang trắng gây hại trong sản xuất tấm lợp. Những hoạt động của các mạng lưới này đã cho thấy sự hợp tác cần thiết giữa XHDS và giới học thuật, chuyên gia và báo chí trong vận động. Điều này không chỉ có ích trong việc tạo ra thay đổi chính sách, thái độ của chính quyền về vấn đề, mà còn nâng cao nhận thức của xã hội.

Dù mục đích vận động khác nhau, chiến lược vận động khác nhau nhưng điều quan trọng là tiếng nói của người trong cuộc rất quan trọng, họ cần là người tiên phong và cầm lái cho các quá trình vận động để đảm bảo tính hiệu quả, bền vững và chính danh của toàn bộ tiến trình. Nhưng nỗ lực của họ chỉ thành công khi có đồng minh là các tổ chức NGO, của báo chí, của các nhà tài trợ, của công chúng. Để sự hợp tác, điều phối được nhịp nhàng, cần cân bằng giữa tiếng nói của cá nhân người trong cuộc với sự nhiệt tình và công tâm của người bên ngoài. Tất cả vì mục đích cốt lõi của vận động: bình đẳng và công lý.

2.2.2. Thảo luận chung

2.2.2.1. Vai trò từ thiện

Hoạt động từ thiện là một phần không thể thiếu của XHDS. Theo diễn giả Quý Hạnh thì nghiên cứu các nhóm từ thiện ở Huế cho thấy niềm tin tôn

giáo ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành những nhóm này, ví dụ một số nhóm được hình thành với sự đỡ đầu của một số nhà sư. Sau này họ có thể hoạt động độc lập hơn nhưng tinh thần tôn giáo thì ngấm vào hoạt động của họ. Về hoạt động của những nhóm có tôn giáo thì những dự án liên quan đến yếu tố tôn giáo thì phải phê duyệt gắt gao hơn. Ví dụ nếu làm một trung tâm học tập ở chùa chẳng hạn thì phải Thủ tướng chính phủ phê duyệt. Như vậy tính chất của hoạt động và đối tượng thực hiện hoạt động đó sẽ ảnh hưởng đến việc quản lý.

2.2.2.2. Vai trò cung cấp dịch vụ của XHDS

Theo một đại biểu thì trong lĩnh vực người cao tuổi các tổ chức XHDS phát triển rầm rộ trong khoảng 5 năm gần đây, đặc biệt là các câu lạc bộ. Đối với đối tượng là người cao tuổi thì nhu cầu được cung cấp dịch vụ rất cao. Tuy nhiên, ở Việt Nam có một khó khăn là việc cung cấp dịch vụ đó chưa được chuẩn hóa. Theo kinh nghiệm quốc tế, ví dụ như ở Philippin thì có hai loại dịch vụ, một là dịch vụ chính thức, tức là dịch vụ được cấp phép, phải xin phép; thứ hai là dịch vụ phi chính thức. Ở Việt Nam, dịch vụ phi chính thức đang rất là hỗn loạn, không có ai kiểm soát cả. Dịch vụ chính thức thì cũng không có ai định vị tức là chuẩn hóa được, tức là không thể đánh giá được chất lượng của nó như thế nào. Đây chính là một khó khăn của các tổ chức phi chính phủ khi muốn tham gia cung cấp dịch vụ cho người cao tuổi, đặc biệt khi đó là dịch vụ thu tiền.

2.2.2.3. Vai trò thúc đẩy quyền con người

Theo một đại biểu, hiện xã hội dân sự VN có vai trò thúc đẩy các quyền con người theo một vài khuynh hướng như sau. Thứ nhất là về mặt truyền thống, các tổ chức xã hội dân sự căn bản vẫn thúc đẩy quyền của các nhóm yếu thế, ví dụ trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số. Về loại quyền thì các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa cũng là những lĩnh vực truyền thống mà XHDS đã có đóng góp tương

đổi tích cực. Thứ hai là các tổ chức XHDS đang dần dần mở rộng phạm vi hoạt động sang các quyền dân sự chính trị, bởi vì rõ ràng đây là một khía cạnh rất là quan trọng vì các quyền con người phụ thuộc vào nhau. Nếu mà một số quyền dân sự chính trị không được bảo đảm thì đương nhiên những quyền khác hoặc quyền của những nhóm yếu thế không thể nào thực thi một cách trọn vẹn. Ví dụ như quyền ngôn luận hay quyền tiếp cận thông tin chẳng hạn, nếu không hiện thực hóa được quyền đó thì hầu như không có quyền nào được bảo vệ một cách thấu đáo cả. Gần đây có nhiều nhóm tham gia về luật tiếp cận thông tin, Luật lập hội, Luật biểu tình.

Một khuynh hướng nữa đó là sự tương tác nhiều hơn giữa các tổ chức xã hội trong nước với là các cơ chế quốc tế như Liên hiệp quốc. Ví dụ năm 2014 có sự tương tác với cơ chế kiểm điểm định kỳ UPR của Hội đồng nhân quyền, nhiều tổ chức trong nước làm báo cáo độc lập về các tiểu chủ đề để gửi cho Hội đồng nhân quyền. Trong khu vực ASEAN, mặc dù Ủy ban nhân quyền ASEAN có phạm vi thẩm quyền hạn hẹp, căn bản là tư vấn, nhưng mà nhiều tổ chức ở trong nước thì đã có sự tương tác với các NGO trong khu vực, đôi khi tổ chức lên tiếng về những vấn đề của Việt Nam cho dù còn khó khăn đằng sau đó.

Một điểm nữa nếu các tổ chức xã hội dân sự muốn đóng góp nhiều hơn cho xã hội thì phải cùng nhau vận động cho không gian sinh tồn cũng như không gian phát triển của các tổ chức, đó là khuôn khổ pháp lý liên quan đến lập hội, liên quan đến hội họp hay là liên quan đến ngôn luận hay là liên quan đến vận động gây quỹ.

2.2.2.4. Vai trò nghiên cứu và kết nối chuyên gia

Trong vận động cũng như hoạt động ở các vai trò khác nhau, nghiên cứu luôn là một nhu cầu cần thiết cho XHDS. Tuy nhiên, theo diễn giả

Lê Quang Bình thì xã hội dân sự Việt Nam đang rất thiếu sự tham gia của trí thức và nhóm chuyên gia. Chúng ta có trí thức, có chuyên gia nhưng mà đó là những trí thức và chuyên gia đơn lẻ, phân tán, trả lời báo chí theo yêu cầu, khi nào nhà báo hỏi thì chúng ta sẽ lên tiếng. Tuy nhiên, không phải là tổ chức, hoặc think tanks có chiến lược để không những đưa ra bình luận theo nhu cầu xã hội mà còn dẫn dắt các cuộc thảo luận của xã hội. Trong kinh nghiệm vận động cho thấy nếu XHDS không có trí thức, không có các nhà nghiên cứu, không có các chuyên gia tham gia vào vận động cùng thì rất khó khăn vì nếu không có kiến thức và trí tuệ thì có khi chúng ta còn vận động sai. Chính vì vậy, XHDS cần phải đầu tư vào nghiên cứu dù nó rất tốn kém, hoặc làm việc chặt chẽ, gần gũi với các chuyên gia về chủ đề đang vận động, hoạt động.

2.2.2.5. Vai trò vận động

Nhiều đại biểu quan tâm đến việc vận động chính sách của nhà nước. Một đại biểu cho biết việc liên minh với nhau để vận động là cần thiết. Tuy nhiên, nhiều khi tính chính danh đang là một cản trở. Ví dụ như Mạng lưới sông ngòi Việt Nam không phải là một tổ chức có pháp nhân nên khi đưa ra những kiến nghị đến cấp nhà nước thì được hỏi là tổ chức này ở đâu ra. Mạng lưới sông ngòi đã tham gia vận động bảo vệ các dòng sông như sông Thu Bồn ở miền Trung, sông Đồng Nai liên quan đến vấn đề mà thủy điện Đồng Nai 6-6A, các thủy điện ở Tây Nguyên, sông Mê Kông. Chính vì có lịch sử lâu dài, vận động dựa vào những bằng chứng khoa học, không nói suông mà mạng lưới vận động được Ủy ban sông Mê Kông, các đại biểu Quốc hội trong Ủy ban khoa học công nghệ, rồi lên Thủ tướng chính phủ.

Một đại biểu bình luận về cách tiếp cận tích cực hay tiêu cực khi vận động chính sách công rất quan trọng. Ví dụ khi chúng ta tổ chức vận động về chuyện không dùng amiăng trắng, nếu chúng ta dùng từ “ủng

hộ chính sách không sử dụng amiăng trắng” chính là cách tiếp cận tích cực, còn khi chúng ta dùng từ “chống việc sử dụng amiăng trắng” thì là cách tiếp cận tiêu cực. Trong vận động không phải chỉ có các tổ chức xã hội dân sự hay tổ chức phi chính phủ ủng hộ chính sách có lợi cho một nhóm người dân mà sẽ có những tổ chức khác cũng vận động ngược lại để ủng hộ cho lợi ích của một nhóm nào đó. Các nhóm lợi ích thường sẽ ảnh hưởng đến quá trình vận động chính sách. Để hiệu quả, các tổ chức XHDS cần tìm hiểu về quy trình và quá trình hoạch định chính sách ở Việt Nam để từ đó xây dựng các mô hình và liên minh vận động cho hiệu quả. Ví dụ ở Việt Nam, Quốc hội có rất nhiều các ủy ban, và mỗi ủy ban chuyên về một lĩnh vực, trong đó thường có một nhóm nhỏ những người có ảnh hưởng hoặc có liên quan trực tiếp đến vấn đề. Vì vậy, các tổ chức XHDS cần tập trung vận động các nhóm nhỏ này.

2.3. Phiên thảo luận: nguồn lực cho các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam (Người điều hành: Ths. Nguyễn Thị Bích Tâm)

2.3.1. Phần trình bày

2.3.1.1. Nguồn lực tài chính và sự phát triển của các tổ chức XHDS Việt Nam: vôi nào đang rút, vôi nào cần thông?

(Diễn giả: TS. Nguyễn Đức Thành)

Việt Nam đã đạt được mức thu nhập trung bình, và nhiều người bắt đầu bảo là đi vào bẫy. Thế nhưng khi ở mức thu nhập trung bình thì nguồn lực quốc tế sẽ thay đổi. Khi anh thu nhập thấp thì anh sẽ được ủng hộ, tài trợ rất nhiều. Nhưng khi anh ở thu nhập cao thì anh sẽ bị rút dần các hỗ trợ của quốc tế. Như vậy nguồn lực cho XHDS cũng sẽ thay đổi. Như tiêu đề ghi trong chương trình là “vôi nào đang rút và vôi nào cần thông”, thông cái nguồn lực tài chính nào là những nội dung chính trong phần trình bày này.

Kinh tế VN tăng trưởng ổn định và lúc lên lúc xuống thăng trầm nhưng

tương đối là tốt, và vì thế mà thu nhập đầu người tăng dần lên và vượt lên hai nghìn dollar. Gần đây thì kinh tế vĩ mô ổn định, có nghĩa là lạm phát thấp, tăng trưởng thì khoảng độ 5%, 6% hay 6,68%. Tuy nhiên, có một số đặc điểm quan trọng về nền kinh tế VN cần phải làm rõ để biết sẽ ảnh hưởng như thế nào cho nguồn lực của XHDS. Thứ nhất, nền kinh tế chúng ta rất mở. Nếu lấy xuất khẩu và nhập khẩu chia cho GDP thì của Mỹ là 30% thôi nhưng của VN là 200%. Thứ hai là khu vực kinh tế nhà nước vẫn thống lĩnh, vẫn chi phối bất chấp việc nói rất nhiều về cải cách. Thứ ba là năng suất lao động đang giảm tương đối rõ, mà năng suất thì quyết định toàn bộ sức mạnh của kinh tế cũng như tương lai phát triển của xã hội. Thứ tư là ngân sách thâm hụt và nợ công trầm trọng. Điều này rất quan trọng vì nó liên quan đến việc quyết định nguồn lực sẽ đi vào đâu trong xã hội. Và cuối cùng thì môi trường kinh doanh rất xấu, nó làm cho khu vực doanh nghiệp bị suy giảm, yếu đi, có nghĩa là giảm đóng góp cho khu vực dân sự.

Tôi đã trao đổi nhiều lần với các anh chị ở trong xã hội dân sự, nếu so sánh với kinh tế thì khu vực dân sự nó đi chậm hơn rất nhiều. Có thể tưởng tượng xã hội như một cỗ xe song mã, giả sử con ngựa kinh tế thị trường là màu đen và con ngựa màu trắng là con ngựa xã hội dân sự. Hiện nay con ngựa kinh tế đi rồi và đi rất là xa rồi, nhưng con ngựa xã hội dân sự thì đi chậm hơn. Người ta thậm chí còn khước từ thừa nhận vai trò của con ngựa trắng, thậm chí người ta muốn chứng minh con ngựa trắng đứng yên cũng được. Nếu con ngựa đen cứ kéo cả xe đi thì cái xe vẫn đi, nhưng riêng về mặt kỹ thuật thì cái xe đẩy chắc chắn sẽ xuống ruộng.

Tuy con ngựa đen đã đi nhưng có nhiều vấn đề và có liên quan đến nguồn lực cho XHDS. Nền kinh tế Việt Nam chúng ta có đặc thù là khu vực tư nhân vẫn còn yếu và điều đó lý giải vì sao xã hội dân sự của VN yếu do chủ yếu nguồn lực cho XHDS sẽ đến từ khu vực kinh tế tư nhân. Đối với các nhà kinh tế thì đều biết động lực chính của một nền kinh tế là khu vực kinh tế

tư nhân, và sự tự do hoạt động kinh doanh. Đất nước nào làm được điều đó thì đất nước đấy sẽ hùng cường, còn đất nước nào mà nói hươu nói vượn nhưng mà không phát triển khu vực kinh tế tư nhân thì sẽ không đi đến đâu cả, nhân loại một cách thực chứng đã chứng minh là như vậy. Tuy nhiên, trong ngắn hạn chưa thấy có cơ hội cải thiện được vì hiện nay chi thường xuyên tức là chi cho công an, quân đội, hệ thống hành chính để hàng ngày chính phủ vận hành đang tăng lên, còn chi đầu tư cứ tụt dần lại, bé dần bé dần một cách vững chắc. Khi mà đầu tư xã hội thu hẹp thì rất nguy hiểm bởi vì năng suất của tất cả những thành phần xã hội sẽ bị giảm, bởi vì đầu tư này tạo ra hạ tầng chung.

Năm 1986 kinh tế gần như là sụp đổ thì chúng ta cho con ngựa đen kéo đi, thế còn con ngựa trắng là khu vực dân sự thì không đi. Khu vực dân sự rất là quan trọng bởi vì nó là tiếng nói đa chiều để kiểm soát các hành vi của những khu vực khác trong nền kinh tế. Ở đây tôi muốn nói đến khu vực nhà nước, khu vực có quyền lực gần như tuyệt đối và khu vực kinh doanh chạy theo lợi nhuận. Khu vực dân sự kiểm soát những khu vực này, không để xảy ra sự thao túng mà xã hội trở nên không có nhân văn, không có tính người. XHDS đóng vai trò quan trọng như vậy trong quá trình dân chủ hóa. Tuy nhiên xã hội dân sự của Việt Nam vẫn dịch chuyển rất chậm từ mô hình của Stalin, mô hình Xô viết cũ tức là mô hình thừa nhận khu vực dân sự nhưng nhà nước quản lý, cấp ngân sách, sang mô hình dân sự độc lập. Việc dịch chuyển này rất giống việc dịch chuyển khu vực kinh tế nhà nước sang khu vực kinh tế tư nhân. Tức là phải có tính chất phân tán, có tính chất năng động và tính chất cạnh tranh.

Xã hội dân sự cũng như vậy. Xã hội dân sự do Stalin và nhóm Xô viết hình thành cũng giống doanh nghiệp nhà nước, và rất khớp với mô hình doanh nghiệp nhà nước của họ, tức là mô hình vì tập thể, kinh tế tập trung hóa. Khu vực đó cũng sản sinh ra sản phẩm, nhưng sản phẩm méo mó. Còn sản

phẩm của khu vực dân sự hay là khu vực kinh tế tư nhân phản ánh nhu cầu hay những vấn đề cho người dân. Khu vực dân sự giống như khu vực kinh tế tư nhân đây là cạnh tranh tìm nguồn lực và năng động, có lúc đúng lúc sai, nhưng có sự va chạm vì thế đưa ra rất nhiều sản phẩm. Do đó, không thể thiếu con ngựa trắng trong cái cỗ xe song mã để kéo nền kinh tế đi.

Vấn đề là khi mà nguồn lực từ từ rút khỏi Việt Nam thì sao, nó có giống Thái Lan ở gần chúng ta hay trường hợp của Nga, hay trường hợp của Trung Quốc trong những tình huống tương tự. Trong trường hợp của Nga chúng tôi được biết thì nhà nước không quan tâm, hết tiền thì thôi. Khi đó, do nguồn lực nước ngoài bị rút đi thì khu vực dân sự của Nga giảm xuống, tự sụp xuống. Ở Trung Quốc thì thay thế tiền tài trợ nước ngoài bằng tiền của nhà nước, tài chính nhà nước. Có thể thấy rất rõ là Trung Quốc nắm cơ hội rất nhanh, và như vậy khu vực dân sự sẽ buộc phải nói tiếng nói của nhà nước và lại trở lại mô hình gần với mô hình Xô viết, tức là mô hình bị chi phối bởi nhà nước.

Vậy Việt Nam sẽ như thế nào, đây là câu chuyện rất lớn. Khu vực đảng cộng sản chi phối, lãnh đạo toàn diện các tổ chức chính trị xã hội, mặt trận tổ quốc, và những hội đặc thù bởi nhận ngân sách. Các tổ chức NGO và các tổ chức xã hội dân sự thì nằm ở ngoài. Như vậy nguồn lực nếu phân bổ trực tiếp từ nhà nước sẽ chảy vào các khu vực của đảng trước khi mà vào các tổ chức NGO và CSO. Trong bối cảnh ngân sách khó khăn thì Việt Nam nuôi các tổ chức của Đảng đã khó rồi chứ khó mà “bao” thêm được các tổ chức NGO vàXHDS như mô hình của Trung Quốc, dù có thể nhà nước rất muốn. Nhưng nếu không có nguồn lực thay thế thì XHDS Việt Nam có thể sụp xuống như mô hình ở Nga.

Từ phía chủ quan của một người nghiên cứu thì chúng tôi tin rằng nguồn lực cho khu vực xã hội dân sự trong tương lai phải đến từ chính trong xã hội của Việt Nam. Nếu mà nguồn lực đến từ nhà nước thì phải có cách

phân bổ thật là minh bạch và rõ ràng chứ không phải là thông qua các điều kiện để từ đó là ràng buộc chặt lại. Nhưng cái nguồn lớn chủ yếu phải đến từ chính trong lòng xã hội của Việt Nam, từ doanh nghiệp, từ người dân, từ các nhà hảo tâm vân vân. Như vậy cần cơ chế để khai thông nguồn này để nhận tiền tài trợ một cách hợp pháp và phát triển được. Hiện nay khung pháp lý theo tôi được biết là chưa có, chưa có hệ thống đó, hệ thống luật về hội, hệ thống về luật về doanh nghiệp hay là các hệ thống về liên quan đến tài trợ cho những hoạt động này.

Hiện nay nhà nước đang cố để nguyên trạng chứ không muốn có sự thay đổi gì. Đường như Việt Nam muốn đi theo hướng của Trung Quốc nhưng như đã phân tích ngân sách đã không còn nữa, dư điểm ngân sách hiện nay là không có, chùng nào tăng trưởng kinh tế còn thấp, năng suất còn giảm thì nguồn thu cũng sẽ giảm. Tức là muốn như Trung Quốc thế nhưng mà lại khó, có khi là phải đi theo kiểu của Nga.

Cuối cùng, quan trọng nhất, đây là tư duy thực sự về xã hội dân sự của những người quản lý xã hội phải thực sự cởi mở, không nghi ngờ và không xét đoán hay là không có một cái sự lo sợ hãi hùng về khu vực này thì mới để cho khu vực này phát triển được. Doanh nghiệp có rất nhiều khả năng tài trợ cho xã hội dân sự. Thế nhưng nếu bị chụp mũ của nhà nước cho rằng đây là một tổ chức phá hoại, mà phá hoại như thế nào thì không biết, tâm lý của doanh nghiệp sẽ rất e ngại. Lúc đấy sẽ có ảnh hưởng rất đáng sợ và xã hội sẽ đông cứng lại không ai dám tài trợ cho xã hội dân sự. Tôi nghĩ đây là một điều rất quan trọng để lưu tâm bởi các doanh nghiệp rất muốn đóng góp cho xã hội thông qua tổ chức xã hội, bởi không biết đóng góp ở đâu cả, cuối cùng tất cả đều đóng góp để tài trợ các cuộc thi hoa hậu!

2.3.1.2. Thách thức và cơ hội kêu gọi tài trợ từ người dân của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam

(Diễn giả: TS. Vũ Hồng Phong)

Tổ chức Quỹ phát triển châu Á làm một nghiên cứu về huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, và phát hiện sơ bộ là doanh nghiệp có rất nhiều những khúc mắc, những định kiến nhất định đối với những tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam. Bài trình bày tiếp theo về một nghiên cứu tiếp nối lo ngại nói chung trong giới phi chính phủ là người dân tham gia từ thiện thế nào và liệu NGO có thể huy động được hay không.

Theo nghiên cứu, người dân hiểu cái nghĩa của “từ thiện” là “cứu trợ” là chính. Một câu hỏi đặt ra cho người dân là từ thiện quan trọng không thì có rất nhiều người cho rằng từ thiện là một phần quan trọng của đời sống xã hội. Đa số người dân có quan tâm đến hoạt động từ thiện. Khi hỏi người ta đóng góp cho những đối tượng như thế nào và đóng góp bao nhiêu. Kết quả cho thấy người dân đúng là coi từ thiện là cứu trợ nên họ cho những người gặp khó khăn, đó là giúp đỡ người nghèo, giúp đỡ nạn nhân thiên tai, người khuyết tật và đóng góp cho các quỹ khuyến học. Mức độ đóng góp phổ biến hơn cả khoảng độ từ năm mươi nghìn trở xuống. Với mức thu nhập như hiện nay thì mức đóng góp như vậy là phù hợp. Tất nhiên, những người khá giả, những người làm kinh doanh buôn bán thì cũng đóng góp nhiều hơn so với những người mà không kinh doanh buôn bán.

Lý do mà người dân đóng góp từ thiện thì cũng rất phù hợp với nhận thức của họ từ thiện là giúp đỡ những người khó khăn. Có 68% nêu lý do lớn nhất mà họ muốn đóng từ thiện đó là muốn chia sẻ khó khăn với người khác. Lý do phổ biến thứ hai là để phúc đức cho con cháu về sau. Những người thường xuyên thực hành những nghi lễ đạo và tín đạo thì sẵn sàng tham gia hoạt động từ thiện hơn so với những người mà không tín đạo hoặc

không theo đạo. Như vậy rõ ràng là niềm tin tôn giáo có ảnh hưởng đến sự sẵn sàng đóng góp từ thiện.

Qua những phỏng vấn sâu thì nhận thấy người dân thích đóng góp cho những người bên trong cộng đồng hơn là cho những người bên ngoài. Nhiều nhà nhân học và xã hội học sẽ nói đến sự cần thiết của việc hỗ trợ qua lại trong cộng đồng, ví dụ hôm nay tôi giúp anh trong đám ma của nhà anh thì hôm sau anh giúp tôi trong đám cưới của nhà tôi. Như vậy quan hệ về sự vay trả rất quan trọng, quyết định việc người ta thích đóng góp hơn cho người ở trong cộng đồng của họ.

Theo nghiên cứu thì số người nhận được từ thiện có 215 người trên mẫu khoảng 1.200 người, là tương đối ít. Số người nhận được từ thiện từ các tổ chức NGO thì rất ít, chỉ có 1%. Một phát hiện quan trọng nữa là nhà nước đang đóng vai trò chủ yếu trong các kênh từ thiện mà người dân đóng góp. Tuy nhiên nghiên cứu cho thấy sự hoài nghi của người dân nói chung về tính hiệu quả của các hoạt động từ thiện do nhà nước tổ chức. Có nhiều người đặt câu hỏi như không hiểu tiền từ thiện có đến được tay người nhận hay không. Họ cũng đặt ra những vấn đề như “hành chính hóa vấn đề từ thiện”, tức là các cấp chính quyền đưa ra những chỉ tiêu cho các cấp thấp hơn phải hoàn thành trong khi đáng ra từ thiện phải là tự nguyện.

Liên quan đến việc người dân nhận thức như thế nào về các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam và khả năng đóng góp từ thiện cho tổ chức phi chính phủ Việt Nam như thế nào, đa số người dân đều không biết tổ chức phi chính phủ. Chỉ có khoảng độ 25% là có nghe nói về tổ chức phi chính phủ thôi, và nguồn mà để biết về tổ chức phi chính phủ là qua ti vi, qua sách báo, qua loa đài là chính. Nguồn thông tin cung cấp bởi chính tổ chức phi chính phủ chỉ có 1%. Những người có mức sống cao hơn thì biết về các tổ chức phi chính phủ nhiều hơn. Tuy nhiên, nhận thức rất phổ biến về tổ

chức phi chính phủ là tổ chức nước ngoài, vai trò của họ không phải là xin tiền mà là cho tiền nên việc người dân cho tiền những tổ chức phi chính phủ là rất vô lý đối với nhiều người.

Tuy nhiên nhận thức về các tổ chức phi chính phủ mới là rào cản lớn cho người dân. Người dân từ các cấp khác nhau, từ những địa phương khác nhau mô tả tổ chức phi chính phủ là những tổ chức chuyên làm hại đảng, nhà nước, hay làm sai đường lối của nhà nước... nói chung là mô tả rất tiêu cực về tổ chức phi chính phủ. Người dân vẫn thường nghe thấy những lời cảnh cáo hay những lời khuyên là phải cảnh giác không thì các tổ chức phi chính phủ sẽ đưa nhân dân đi vào hướng sai lầm nào đấy. Trong những người biết về tổ chức NGO thì chúng tôi thấy tỉ lệ tin tưởng vào cái hoạt động của tổ chức phi chính phủ và từ thiện của tổ chức phi chính phủ chỉ là một phần ba, hơn một phần tư một chút. Như vậy, đây là một vấn đề mà các tổ chức phi chính phủ cần phải nghĩ đến khi tiến hành các hoạt động gây quỹ.

Có một chút hy vọng là những người thành thị và những người học vấn cao hơn thì sẵn sàng tham gia vào hoạt động của tổ chức NGO hơn. Đây là phát hiện cũng rất quan trọng nhưng so với toàn bộ mẫu thì số lượng mẫu này rất nhỏ. Khi hỏi những người biết về tổ chức NGO ở Việt Nam là trong tương lai họ có sẵn sàng giúp đỡ, tham gia vào những cái hoạt động từ thiện của tổ chức phi chính phủ Việt Nam không thì người ta nói có, nhưng cũng chủ yếu tập trung vào những hoạt động mang tính chất cứu trợ như là cứu trợ thiên tai, giúp người nghèo hay là hỗ trợ những người khuyết tật là nhiều. Điều này cũng phù hợp với nhận thức của người dân về việc làm từ thiện.

Kết luận lại thì chúng tôi thấy đa số người được phỏng vấn đều đánh giá từ thiện là một hoạt động rất quan trọng cho xã hội, tuy nhiên trong nhận thức của người dân thì từ thiện là những hoạt động mang tính chất cứu trợ

ngắn hạn. Chúng ta cũng nhận thấy là ngay cả nhà nước là cơ quan đang bao sân cho việc đóng góp từ thiện thì người dân cũng không tin tưởng lắm bởi hiệu quả của việc cứu trợ. Người dân có định kiến về NGO, NGO là những tổ chức nước ngoài mang tiền đến cho và thậm chí là có những âm mưu nào đó ở đằng sau. Đây là những cản trở rất lớn và cần phải hành động ngay vì có vẻ như NGO Việt Nam chưa nỗ lực trong hoạt động gây quỹ. Nhiều tổ chức chỉ dừng lại ở việc kêu ca đang chuẩn bị mất nguồn tài trợ chứ vận động, thực hiện chiến dịch vận động tài trợ như thế nào thì chưa có mấy. Họ chưa có hành động nào để thay đổi nhận thức của công chúng về họ. Bất chấp những trở ngại đó thì vẫn có những hy vọng cho việc huy động tài trợ, đó là các nhóm dân ở đô thị, những nhóm dân trung lưu, những người có khả năng sử dụng internet nhiều hơn thì có vẻ sẵn sàng đóng góp từ thiện hơn cho các tổ chức phi chính phủ vì họ nhận thức tốt hơn về tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam.

2.3.2. Thảo luận chung

2.3.2.1. Chất lượng của từ thiện

Một đại biểu đưa ra một số vấn đề liên quan đến chất lượng của hoạt động từ thiện, đó là “từ thiện câu like” khi có nhiều người có mục tiêu làm từ thiện là phải lên miền núi gặp các em nghèo ở đấy, càng nghèo càng tốt hay là không mặc quần áo gì cả và cho chúng nó quần áo và chụp ảnh, sau đó thì up lên tường (facebook) của mình và có rất nhiều like. Hiện tượng từ thiện không phải vì người dân mà là vì cái tôi của mình, Hoa hậu đến các bệnh viện ung thư đội vương miện và trao quà cho các bệnh nhân và bắt buộc bệnh nhân phải nhìn vào camera và có một bộ mặt hết sức thành kính và biết ơn như kiểu là thần dân ngày xưa được vua chúa ban ơn. Hiện tượng này có vấn đề về mặt xã hội và đạo đức khá là lớn mà nhiều người không ý thức được. Vấn đề thứ hai đó là cái từ thiện vô cảm, tức là chúng ta làm từ thiện một cách theo quán tính, ai cũng đến tết là mang áo ấm hoặc là mang bánh chưng lên trên miền núi, đến lúc có bão thì lại là mì ăn liền

hoặc là chặn gì đấy đến vùng bão. Không ai để tâm đến nhìn xem lý do của bất công và những cái cơ chế về mặt quyền lực như thế nào để mà thay đổi.

Nhiều người giải thích rằng họ làm từ thiện vì họ thấy người nghèo ăn mặc rách rưới thì họ cho quần áo, họ thấy trẻ em có vẻ đói thì họ cho bánh chưng, họ không quan tâm và họ không thể quan tâm, không muốn quan tâm xem là những cái hành động của họ có ảnh hưởng gì đến bản sắc văn hóa của người nhận hay không, nó có ảnh hưởng gì đến lòng tự trọng của người nhận hay không, nó có biến những người nhận thành những người xin bố thí hay không, nó có phá hủy cấu trúc của cái cộng đồng của người nhận hay không. Họ không quan tâm, bởi họ cho đấy là những việc mà các ông ở bên trên cần phải giải quyết, chứ còn họ chỉ cho thôi. Đây là tư duy khá nguy hiểm bởi vì họ đã từ chối trách nhiệm phải nhìn sâu hơn một chút vào những ảnh hưởng xấu và hiệu ứng xấu. Tôi nghĩ là về phía chúng ta những người hoạt động trong lĩnh vực này nên cung cấp cho họ một cách nhìn sâu hơn hoặc giúp họ nhìn ra là làm từ thiện phải có khoa học, sáng tạo và có trách nhiệm chứ không phải là cứ cho là được.

Theo diễn giả Nguyễn Đức Thành những vấn đề liên quan đến hành vi của người làm từ thiện, nhân đạo là khá thú vị qua các ý kiến. Tuy nhiên, điều đáng quan tâm đây là hành vi sẽ thay đổi nếu như thiết chế thay đổi. Các hành vi trên đang có bởi vì thiết chế của chúng ta làm cho hành vi đó méo mó... Cũng như câu hỏi của một đại biểu về việc doanh nghiệp muốn lập Quỹ làm từ thiện nhưng có sự ngăn cản, mà ngăn cản là có chủ đích. Chúng ta phải hiểu về bản chất của các dòng tài chính, đặc biệt là các dòng tài chính công luôn luôn có bản chất chính trị và những nhà chính trị hay làm chính trị thì rất rõ điều này, không bao giờ mơ hồ cả. Bởi vì khi chúng ta đã thiết kế cơ chế để tài trợ méo mó như vậy thì tự nhiên hành vi của người trong đấy cũng thế. Liên quan đến câu chuyện của báo Dân Trí quyền được lượng tiền khổng lồ chúng tỏ lương tri của người đóng góp rất lớn, nhưng

mà cứ đưa cục tiền đấy thôi. Không có một cơ chế khai thông, và làm thế nào để khai thông thì phải có một sự thiết kế xã hội mà từ đấy thay đổi hành vi của các nhóm.

Ở đây có thêm một điểm là làm sao mà biết được những tổ chức làm từ thiện thật và tổ chức làm từ thiện giả. Giải pháp cho nó cũng cần phải có một sự thiết kế liên quan đến sự minh bạch. Đầu tiên là minh bạch thông tin để biết được anh nào là xấu anh nào là tốt. Giả sử khi thông tin tổ chức này nhận tiền của người dân mà cuối cùng lại biển thủ hết, nhưng mà lại vì uy tín của địa phương, lãnh đạo đấy nên lại phải giấu tin đi chẳng hạn, như thế thì thông tin không minh bạch, dẫn đến hành vi tiếp tục méo mó, và người dân thì lại càng mất niềm tin vì họ cũng đã nghe phong phanh như thế rồi.

Cách đây mười năm ở Tokyo, một bài tham luận của một người được giải Nobel, ông đề xuất xây dựng một thị trường niêm yết, một sàn niêm yết cho các tổ chức từ thiện không vì lợi nhuận. Sàn niêm yết bên kinh doanh rất quan trọng, bản chất của nó là thông tin để đầu tư. Tương tự, một sàn niêm yết cho tổ chức từ thiện thì hàng nghìn người như những người đã đóng góp cho báo chí biết nên cho tiền tổ chức này hay tổ chức kia. Như vậy có thể theo dõi thông qua các rating như uber hay amazon, người tham gia sẽ có thông tin minh bạch để quyết định.

Diễn giả Vũ Hồng Phong cho biết đối với những người miền Trung và miền Nam thì nhận thức về Phật giáo, về đạo căn cơ hơn, không mang tính chất “câu like” như có đại biểu đã chia sẻ. Ở miền Bắc thì việc làm từ thiện mang tính chất xây dựng hình ảnh hoặc là mang tính chất phương tiện. Ở miền Nam thì các nhà sư dạy dỗ Phật giáo nhất là dòng Hòa Hảo ở Đồng Tháp có vẻ rất tốt, người ta đóng từ thiện mà trong đấy dùng từ “phước sương”, mang tính chất tự nguyện và không đòi hỏi là tôi phải cầm một cái bằng

chúng tôi đã đóng từ thiện bao nhiêu. Nhiều người ở miền Bắc mang cái bằng về đặt trên bàn thờ và chúng tỏ cho mọi người trong nhà và những người hàng xóm biết là tôi đã đóng từ thiện vào cái chùa này bao nhiêu tiền. Người miền Nam không làm như thế, người ta đóng bao nhiêu không ai biết cả, cái đó có lẽ xuất phát từ nền tảng sống, triết lý sống của người miền Nam và miền Bắc khác nhau.

Một đại biểu từ miền Nam chia sẻ người dân ở miền Nam ý thức không làm từ thiện, vì từ thiện là con dao hai lưỡi, có thể làm hại người cho và làm hại người nhận. Không làm từ thiện mà tiến tới công tác xã hội. Công tác xã hội khác với từ thiện, CTXH làm thay đổi được con người và thay đổi được xã hội một phần. Bước tiếp theo của công tác xã hội là phát triển cộng đồng, nói cách khác cho con cá là từ thiện, cho cần câu là công tác xã hội, dạy cho người ta câu là phát triển cộng đồng. Thế giới có trường dạy về công tác xã hội, dạy về phát triển cộng đồng. Công giáo có trường cán sự xã hội do Phan Huy Phát lập ra, dạy cho cán bộ biết cách làm công tác xã hội chứ không dạy làm từ thiện. Tôi suy nghĩ ở miền Nam nếu nhà nước chấp nhận cho Công giáo lập trường học, không phải trường mẫu giáo như bây giờ, thì sẽ giải quyết một vấn đề đạo đức cho học sinh, sinh viên. Với các trường Công giáo, nhà nước không phải chi phí gì hết, tại vì một loại hình trường này như trường Phật giáo hay trường Công giáo sẽ giải quyết một phần ba cho những người nghèo, người không có tiền.

Diễn giả Nguyễn Đức Thành nói thêm về cách làm từ thiện của Việt Nam. Theo diễn giả, sự rung động của con người bị tàn phá bởi xã hội mà con người đang sống quá tin vào lý trí và quá ngạo nghễ vào chủ nghĩa duy vật, và vào những gì tồn tại, sờ thấy được và nhìn thấy được. Những nhận thức đây rất thô thiển và không sâu sắc, tức là chủ nghĩa duy vật và đặc biệt là quan điểm khả tri về thế giới, quan điểm nhận thức được toàn bộ thế giới. Điều này làm cho con người chỉ tin vào những gì mà nhìn thấy, vì đó chỉ là

con người duy lý với nhau. Nhưng họ không làm sao cưỡng được những rung động sâu ở phía dưới, những điều không khả tri được, và có những điều thuộc về tâm thức và tâm linh. Vì thế ở miền Bắc thể hiện phảng phất vào hiện tượng làm từ thiện “câu like”, rất bông bột và rất nguyên thủy. Họ cũng không đủ tinh tế và không đủ những nền tảng về mặt tâm linh, tức là những mảng vấn đề không phải thuộc về thế giới duy vật này, tức là thế giới phải dùng đến tôn giáo. Điều đó lý giải vì sao những nhóm người có nền tảng tôn giáo như Thiên chúa giáo hay Phật giáo sâu sắc như từ miền Trung trở vào có cách làm từ thiện riêng của họ.

Theo mạch này một đại biểu đặt câu hỏi tại sao nhiều bạn trẻ lại mất công đem ba nghìn cân gạo lên miền núi chứ không đưa tiền cho một tổ chức xã hội dân sự nào đây đã có hàng chục năm kinh nghiệm làm việc ở miền núi rồi? Lý do được đưa ra là họ không tin những tổ chức đây. Các NGO không có được niềm tin từ người dân. Chúng ta cứ nhìn Cơm Có Thịt chẳng hạn, tại sao từ một cái số không mà người ta có thể xây dựng được một cái tổ chức có uy tín như vậy và người dân có thể là, người dân và các tổ chức khác nhau hoàn toàn có thể tin tưởng và cứ gửi tiền vào đây và không quan tâm xem là câu chuyện hôm sau như thế nào. Tức là sự tin tưởng rất lớn vào cách thức làm minh bạch mà các tổ chức có thể học từ Cơm Có Thịt.

Một đại biểu nói về sự trung thực của các tổ chức xã hội dân sự. Điều đó cũng nói rằng các tổ chức xã hội dân sự cần soi lại mình, nếu thấy mình đã hết nghĩa vụ, hết chức năng lịch sử của mình rồi thì hoàn toàn có thể chấm dứt hoạt động và hoàn toàn có thể không còn phải lo lắng về nguồn lực nữa. Những nhóm đang tiếp tục làm, đang huy động được, đang thu thập được, đang kêu gọi được mọi người thì hãy tiếp tục và có rất nhiều thứ để mà hy vọng. Hy vọng vì ở đây có những nhóm trẻ, những nhóm sinh viên mà chúng ta đang làm việc cùng sẽ trở thành những doanh nghiệp và chắc chắn là những doanh nghiệp đây sẽ sẵn sàng tài trợ cho những hoạt động

xã hội dân sự sau này. Tôi nghĩ rằng con ngựa trắng mà anh Thành có nhắc đến sẽ không chịu để tự chết thê và nó sẽ phải cố lên bằng những lời cảnh tỉnh, bằng những lời cảnh báo, những lời nhắc nhở, như tất cả chúng ta có thể nhắc nhở nhau trong hội thảo này.

2.3.2.2. Doanh nghiệp và từ thiện

Một đại biểu chia sẻ là tiếng Việt chúng ta không có cái sự phân chia giữa “charity” và “philanthropy” mà chúng ta chỉ nói là “từ thiện” thôi. Hai khái niệm charity và philanthropy khác nhau khá cơ bản, giống như cái charity thì cho con cá còn cái philanthropy thì cho cần câu, thậm chí sau đây còn dạy người ta câu cá, xem cái sông đấy còn có nước hay không, cá có bị nhiễm độc hay không, người ta câu cá xong người ta có đem được ra chợ hay không, rồi giá của cá như thế nào. Tất cả những cấu trúc quyền lực và những bất công ở đằng sau thì cũng phải được giải quyết bằng philanthropy chứ không thể bằng charity. Trong tiếng Việt không có sự phân chia giữa hai khái niệm đấy, tuy nhiên đó là một vấn đề về mặt tư duy.

Về cơ bản các doanh nghiệp làm từ thiện một cách rất truyền thống ví dụ như hỗ trợ người nghèo, xây nhà tình nghĩa, chứ không đưa tiền vào những lĩnh vực xã hội mà có độ phức tạp hơn hay là nóng hơn như môi trường, quyền con người, chống tham nhũng. Thực ra có mâu thuẫn về nhận thức và hành vi của doanh nghiệp vì họ quan tâm đến tham nhũng, môi trường, giáo dục, nhưng sau đó lại quyền tiên cho bà mẹ anh hùng và người nghèo. Như vậy có một độ lệch giữa điều doanh nghiệp cho là quan trọng với điều doanh nghiệp muốn đóng góp cho xã hội.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp làm từ thiện khá không sáng tạo, chỉ đưa tiền chứ không đóng góp thời gian và tri thức của những nhân viên. Nếu ở các công ty quốc tế thì sẽ dễ dàng nhìn thấy từ thiện là đóng góp tri thức và thời gian của nhân viên, đó là một giá trị lớn hơn hẳn là tiền bạc. Khi

những công ty, doanh nghiệp làm từ thiện theo thể mạnh của mình thì sẽ có hiệu quả hơn gấp nhiều lần.

Một vấn đề nữa là khi doanh nghiệp chỉ giải quyết việc ngắn hạn. Khi có bão thì các DN đóng góp nhưng không đo lường và đánh giá kết quả làm từ thiện. Điều đó chứng tỏ doanh nghiệp làm từ thiện một cách hời hợt. Câu chuyện tiếp theo là các doanh nghiệp nhìn các NGO ở Việt Nam như thế nào, thì đây là một bức tranh khá ảm đạm. Mặc dù là NGO có tiềm năng rất lớn giúp cho các doanh nghiệp làm từ thiện và nhân đạo một cách có hiệu quả hơn, có chiến lược hơn. Hiện nay giữa hai lĩnh vực NGO và doanh nghiệp hầu như không có sự giao thoa hay trao đổi, cụ thể chỉ có 7% các doanh nghiệp được hỏi đã từng làm việc với NGO; 10% thì đã từng làm việc với các nhóm cá nhân khác nhau, ví dụ Cơm Có Thịt, còn lại là chủ yếu là làm với mặt trận tổ quốc hay là đến thẳng địa phương, chính quyền địa phương để làm từ thiện.

NGO là một cái gì đấy xa vời. Ngoài ra doanh nghiệp cũng nhìn các NGO một cách hết sức hạn hẹp và truyền thống, tức là họ coi công việc của NGO chủ yếu là xóa đói giảm nghèo chứ không phải là những việc như là vận động về quyền, bình đẳng giới, hay là chống tham nhũng, bảo vệ môi trường.

Các doanh nghiệp coi NGO quan trọng như thế nào đối với sự phát triển chung của đất nước? Chỉ một phần ba các doanh nghiệp cho rằng các NGO là quan trọng hoặc là rất quan trọng đối với đất nước, còn hai phần ba thì cho là có cũng được không có cũng được, thậm chí là còn có hại, đi ngược với đường lối của đảng. Mức độ tin tưởng của họ với NGO cũng rất thấp, tức là họ không cho rằng các NGO là một đối tác đáng tin cậy, họ cho rằng những đối tác đáng tin cậy nhất là các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, họ vẫn tin vào NGO hơn là tin vào nhà nước một chút. Chỉ

25% cho rằng các NGO hoạt động hiệu quả, còn lại thì cho rằng NGO là nghiệp dư, không hiệu quả.

2.3.2.3. Quan hệ với nhà nước

Có đại biểu cho rằng văn hóa làm từ thiện trong xã hội đã bị “chết” trong một thời gian rất dài do sự can thiệp, bao sấn của nhà nước. Ví dụ ở Hà Nội bắt đầu từ năm 45 – 54 không có những hoạt động đấy, hoặc là ở miền Nam từ 75 không còn những hoạt động đấy. Khi xã hội dân sự tổ chức hoạt động, gây quỹ, quyên tiền trong dân thì chính quyền đặt ngay câu hỏi làm cái này để làm gì, rất dễ bị chính quyền nghi ngờ hoặc là ghép cho một cái tội làm quỹ trái phép. Chúng ta cần phải thảo luận xem nguyên nhân nào dẫn tới hiện trạng đó và nguyên nhân đó từ đâu ra, từ cái chính thể của mình hay là do cái yếu tố xã hội nào khác.

2.3.2.4. Báo chí và từ thiện

Có đại biểu cho biết các cơ quan báo chí làm từ thiện khá nhiều, mỗi một lần thiên tai bão lụt các quỹ của tờ Tuổi Trẻ, tờ Lao Động, tờ Dân Trí và các tờ báo khác ủng hộ cực kỳ nhiều tiền. Có một câu chuyện ở báo Dân Trí là trong một thời gian rất ngắn, một trường hợp bệnh nhân nào đó, quỹ của báo Dân Trí thu được một số lượng tiền không ai có thể tưởng tượng được. Bên báo không có chuyên môn làm từ thiện nhưng thực hiện cái quỹ này. Rõ ràng người dân tin các tờ báo, gửi vào các quỹ từ thiện rất nhiều tiền. Câu hỏi ở đây là tiền đóng góp được chia như thế nào và liệu có được sử dụng hiệu quả hay không khi những người làm báo không có kinh nghiệm và kỹ năng làm từ thiện.

2.3.2.5. Tôn giáo và từ thiện

Một đại biểu chia sẻ theo quan sát thì các tổ chức tôn giáo, chùa hoặc là các nhà thờ làm từ thiện đã có truyền thống rất lâu đời. Tuy nhiên, các thiết chế này cũng nên triển khai công việc của mình rộng ra thành philanthropy

hơn chỉ là charity. Tất nhiên nhiều nơi cũng đã bắt đầu làm như thế. Các chùa hay nhà thờ có tổ chức dạy học, dạy nghề hay là giúp đỡ những người khuyết tật có công ăn việc làm. Đó là những việc rất tốt và đi xa hơn là công việc đưa cháo cho người nghèo.

2.3.2.6. Các nguồn lực

Diễn giả Nguyễn Đức Thành cho biết trong tiến trình hội nhập chung của đất nước thì khu vực XHDS cũng như khu vực kinh doanh sắp tới cũng sẽ bị thay đổi rất mạnh bởi cạnh tranh, bởi môi trường thay đổi, bởi cơ hội cũng thay đổi. Đối với các tổ chức chính trị nghề nghiệp, các tổ chức đang được sự tài trợ của nhà nước, thì sẽ phải cắt giảm nguồn lực. Sự cắt giảm này thực ra thì đã có chủ trương rồi. Điều này cũng xuất phát từ việc hiệu quả của các tổ chức này đến đâu, khả năng ngân sách của nhà nước đến đâu.

Các tổ chức còn lại là các tổ chức phi chính phủ, đã và đang nhận rất nhiều hoặc lệ thuộc nhiều vào các nguồn của nước ngoài, cũng sẽ phải tìm những nguồn tài chính khác vì viện trợ nước ngoài sẽ giảm. Các tổ chức cộng đồng thì chưa chắc đã bị ảnh hưởng nhiều vì họ không phụ thuộc vào nguồn tài trợ nước ngoài, họ tự quyền tiền trong xã hội, trong thành viên. Chính vì vậy, với các NGO thì có một số sẽ hướng đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn, tức là đại diện quyền lợi cho một nhóm lợi ích rất rõ ràng, ví dụ như là hiệp hội thép hay hiệp hội dệt may thì thu phí của các hội viên. Khi đó các hiệp hội này phải đấu tranh cho quyền lợi của các thành viên, còn nếu các hiệp hội không đại diện được quyền lợi cho các thành viên thì các thành viên sẽ không trả tiền cho họ nữa. Các tổ chức chính trị nghề nghiệp cũng sẽ có xu hướng xảy ra như vậy.

Góp ý cụ thể hơn, một đại biểu thảo luận về các nguồn lực mà XHDS có thể xem xét để kết nối. Thứ nhất là từ các doanh nghiệp. Nguồn thứ hai là từ bà con Việt kiều ở các nước Mỹ, các nước Tây Âu, các nước Đông Âu.

Những nguồn tài chính này chưa được thảo luận kỹ càng nhưng về lâu dài là những nguồn có tiềm năng rất lớn. Thứ ba là những gia đình có thu nhập cao ở Việt Nam.

2.4. Phiên thảo luận: Không gian truyền thống và không gian mạng của XHDS Việt Nam (Người điều hành: Ths. Phạm Kim Ngọc)

2.4.1. Phần trình bày

2.4.1.1. Xây dựng một XHDS thay dần cho một xã hội làng xã

(Diễn giả: GS. Nguyễn Đăng Dung)

Theo GS. Nguyễn Đăng Dung xã hội làng xã ở Việt Nam và xã hội dân sự ở phương Tây có một số đặc điểm khác nhau. Thứ nhất trong xã hội làng xã VN nhân quyền không được thừa nhận, nếu như có thì cũng không đầy đủ trong khi đó xã hội dân sự của phương Tây buộc phải có nhân quyền. Cái lõi của nhân quyền là sở hữu tư nhân, trong khi ở Việt Nam sở hữu tư nhân không được hình thành, mà thay vào đó là sở hữu nhà nước hay sở hữu toàn dân. Một điểm quan trọng nữa là cá nhân không được khẳng định trong khi đó thì ở xã hội dân sự phương tây thì cá nhân được khẳng định, đây là nền tảng cho sự phát triển. Thứ ba là sự tuân thủ pháp luật trong xã hội dân sự phương tây, còn ở xã hội làng xã chúng ta thì ngược lại, chúng ta không có sự tuân thủ pháp luật mà là lệ làng, như câu “phép vua thua lệ làng”. Thứ tư là xã hội làng xã của chúng ta là tính đóng, còn đối với XHDS phương Tây thì đây là tính mở.

Những khác biệt này được giải thích bởi điều kiện tự nhiên của nước ta. Một nhà nghiên cứu về lịch sử Việt Nam cho rằng trong một vùng rất nghèo, thời tiết thất thường, mức độ khắc nghiệt, thì tổ chức tập thể đóng vai trò hỗ trợ cho nông dân, giúp họ khỏi nghèo đói, bảo vệ họ trước những đòi hỏi của nhà nước. Trong một thế giới như vậy cá nhân nào mà tách ra khỏi làng xã

thì chắc phải đương đầu với vô vàn những rủi ro và nguy hiểm. Chính vì vậy mà làng, xã, quê tạo thành khuôn khổ xã hội cơ bản cho dân chúng ở nông thôn.

Tuy nhiên, nhiều khi chúng ta cho rằng “phép vua thua lệ làng” là sản phẩm của làng nhưng không phải như vậy. Đây là sản phẩm của cường hào ác bá, tức là của tầng lớp cai trị. Cách mạng chúng ta đã sử dụng được điều đó để thắng lợi. Điều này để thấy sức mạnh của cách mạng VN vì người Pháp cũng không làm gì nổi với lệ làng nhưng đến thời kỳ sau cách mạng thì điều đó hoàn toàn bị xóa bỏ, chỉ có người Việt Nam mới làm được với người Việt.

Sống trong cộng đồng làng xã như vậy làm con người sống phụ thuộc vào cộng đồng, cá nhân không phát triển, hạn chế khả năng của cá nhân. Người Việt thường dựa dẫm nhau và ỷ lại tập thể, cha chung không ai khóc, lấm vãi không ai đóng cửa chùa chẳng hạn. Rất nhiều truyền thống tạo nên bè phái địa phương cục bộ, chỉ quan tâm đến làng, trống làng nào thì làng ấy đánh...

Sau cách mạng tháng tám, nhất là sau 1954 cơ cấu tổ chức làng xã phong kiến bị bãi bỏ, hương ước không còn cơ sở để tồn tại, tất cả chùa chiền, đền đều bị phá hết. Xã hội làng xã dần dần cải biến theo mô hình chính quyền dân chủ nhân dân, lệ làng thay bằng quy định của pháp luật nhà nước, tổ chức hoạt động theo chính quyền địa phương. Tất cả mọi thứ đều bị thay đổi và đưa vào nhà nước tập trung và dưới hình thức là làm ăn tập thể hay còn gọi là hợp tác xã. Điều đáng phải bàn là mặc dù cơ sở vật chất xã hội làng xã không còn ở nông thôn nhưng tinh thần của nó vẫn tồn tại, đã có tác dụng điều chỉnh mọi tác động của xã hội nông thôn và đến hiện nay có xu hướng khôi phục lại. Việc khôi phục xã hội làng xã không những ở vùng quê mà còn ở ngay cả tổ chức, cơ quan nhà nước trung ương vốn dĩ xưa kia là nơi chống lại xã hội làng xã. Biểu hiện là có những quy chế riêng được ban

hành, những quy định này mâu thuẫn với pháp luật, và tạo cho người dân nhiều thủ tục. Ví dụ, luật kinh doanh được ban hành năm 2014 cho phép bỏ bớt thủ tục hành chính nhưng thực tế thực hiện không bỏ được.

Trong xã hội này thì hội là một hình thức quan trọng nhất, xây dựng xã hội dân sự phải xây dựng không gian cho hội phát triển. Theo như Đào Duy Anh: người nhà quê rất thích ham lập hội. Muốn có xã hội dân sự cần thay đổi tính chất xã hội làng xã từ trung ương cho đến địa phương, và có hai điều cần phải làm, một là tuân thủ pháp luật, đương nhiên pháp luật không phải là pháp luật vị quan phương mà pháp luật vị nhân quyền, và hai là tăng cường hoạt động của hội. Do đó xây dựng xã hội dân sự. Đó là xã hội có quyền con người. Nếu chúng ta muốn phát triển thì không thể không xây dựng xã hội dân sự, và như thế mọi người mọi chủ thể đều có trách nhiệm.

2.4.1.2. Tương tác người dân – nhà nước và xã hội dân sự dưới ảnh hưởng của mạng xã hội ở Việt Nam (Diễn giả: Huỳnh Ngọc Chương)

Bối cảnh nghiên cứu là Việt Nam khi mạng xã hội đang mở rộng, đặc biệt là đối với giới trẻ sau đó lan rộng ra toàn xã hội. Thống kê cho thấy ở Việt Nam ít nhất khoảng ba mươi triệu tài khoản sử dụng facebook, riêng Twitter thì ít được sử dụng hơn, do đó nghiên cứu này chỉ tập trung vào facebook. Nghiên cứu bao gồm ba câu hỏi chính, thứ nhất là tương tác của người dân, nhà nước và xã hội dân sự dưới ảnh hưởng của mạng xã hội như thế nào; thứ hai là qua nghiên cứu tình huống cụ thể, ở đây là tình huống chặt cây xanh ở Hà Nội, để mô tả sự tương tác của các bên liên quan; thứ ba là từ những điều đó thì chỉ ra những định hướng sắp tới.

Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã cho thấy internet trở thành một kênh thông tin và gây áp lực lên nội dung chính sách, các nhà hoạch định chính sách và gia tăng sự tham gia của người dân vào quá trình ra chính sách.

Internet cũng mở ra một không gian mới để thảo luận về chính sách với nhiều người tham gia hơn, và có nhiều cách tiếp cận khác nhau đến một vấn đề. Điều này cũng đúng ở VN khi thấy hàng triệu người có thể phát biểu chính kiến của họ trên facebook và tham gia vào các cuộc thảo luận về chính sách công. Chính số đông người tham gia tạo ra năng lượng và sức ép lên các tổ chức công quyền.

Trong vụ chặt cây xanh ở Hà Nội, người dân trông thấy những hình ảnh cây xanh ngã đổ, những hình ảnh so sánh đường phố trước khi chặt và sau khi chặt đều gọi lên cảm xúc. Facebook giúp những người dùng facebook chia sẻ cảm xúc với nhau, và gọi lên những kỷ niệm. Cảm xúc được lan tỏa giống như hòn đá rơi xuống một hồ nước nhỏ, mỗi người dùng là một hòn đá, facebook là một hồ nước, khi một người chia sẻ cảm xúc giống như chúng ta ném một hòn đá xuống hồ sẽ tạo ra các làn sóng xung quanh mạng lưới này. Chỉ cần nhiều hòn đá có cùng một tần số thì sẽ tạo nên một sự cộng hưởng rất lớn, nhưng nếu mà khác tần số thì sẽ làm giảm đi hoặc xung đột lẫn nhau.

Một điều quan trọng là nhiều khi “cảm xúc” trên mạng được chuyển thành hành động trên thực tế. Khi cảm xúc đã tạo nên một sự cộng hưởng rất lớn trong xã hội thì sẽ ảnh hưởng và dẫn đến những hành động khác trong cuộc sống thực. Trong vụ bảo vệ cây các hoạt động diễn ra cực kỳ phong phú, được dẫn dắt bởi các tổ chức, các tổ chức NGO, các tổ chức nhóm xã hội dân sự được thiết lập tạm thời. Họ thực hiện mít tinh, biểu tình, tham gia các phong trào sự kiện đưa thư kiến nghị, phong trào ôm cây.

Có thể thấy trên mạng xã hội có đầy đủ các bên liên quan tham gia và đây chính là đặc trưng của mạng xã hội. Có thể coi đây là một cách kết nối mới của các bên liên quan trong quản trị công, chứ nó không phải là một công cụ, nó không phải là một công cụ của bất cứ một bên nào trong quản trị

nhà nước. Người dân, trí thức, cộng đồng, xã hội dân sự, nhà nước và chính quyền đều tham gia vào không gian này. Mạng xã hội từ một công cụ kết nối trên internet trở thành một nền tảng ở đó người ta chia sẻ cảm xúc, biểu đạt ý kiến, thể hiện quan điểm chính kiến cá nhân trước mọi vấn đề. Mỗi một ý kiến được chia sẻ tạo sự lan tỏa trong vòng kết nối của người dùng, có thể tạo nên một làn sóng nếu như nó hợp cùng tần số sự quan tâm của những người khác.

2.4.2. Thảo luận chung

2.4.2.1. Văn hóa làng xã và pháp quyền

Một đại biểu đồng ý với ý kiến của GS. Dung cho rằng dù cơ sở vật chất của xã hội làng xã không còn, thế nhưng những di sản của nó vẫn còn mãi và đến bây giờ lại phát triển lại và nguy hại hơn ngày xưa. Các chuẩn mực của làng xã đi theo mỗi người, ăn sâu và trở thành chuẩn mực của mỗi người. Ví dụ giá trị về minh bạch thì ngày trước ông cha nói “tốt đẹp thì khoe ra, xấu xa thì đậy lại” nên chẳng ăn nhập gì với chuyện minh bạch cả. Giá trị bây giờ nói về nhà nước pháp quyền nhưng trong chuyện trộm chó thì làng xã đánh chết người thì đó là vấn đề lớn. Rồi những chuyện như an toàn thực phẩm, nợ công rất nhiều... khi giải quyết người ta lại có xu hướng dựa vào những giá trị cũ để mà hành xử. Chính vì vậy những không gian mới như vựa cây xanh là mọi người đi theo một cái hướng mới, một nhân tố mới, một cách hành xử mới hoàn toàn khác với những cách hành xử trước đây đã làm.

Bình luận về văn hóa làng xã, một đại biểu cho rằng phần chia sẻ của GS. Nguyễn Đăng Dung rất hay và đúng với miền Bắc chứ không phải miền Nam. Trong Nam thì thiết chế làng xã là thiết chế rất mờ, người dân có quyền tiếp cận mờ. Ở đó không có lũy tre làng, cổng làng, không có hội đồng hương, không có bản gia phả Quan niệm trước đó là tứ hải giai huynh đệ, tất cả đều là nhà. Lý do ở trong Nam có rất nhiều cộng đồng sống xen kẽ với nhau, người Hoa, người Khơ Me, người Chăm, người Ấn Độ ,và Indô...

2.4.2.2. Vai trò của không gian mạng với XHDS

Một đại biểu cho rằng hai không gian làng xã và mạng xã hội dường như là hai thái cực, một cái rất là truyền thống và một cái rất là hiện đại, một cái rất đặc trưng của Việt Nam một cái là mang tính chất toàn cầu. Nói về mạng xã hội có thể coi như là một cái nhiệt kế để phản ánh cảm xúc của xã hội. Mọi người bây giờ lên facebook sẽ cảm giác được xã hội hôm nay đang quan tâm đến vấn đề gì. Như vậy, mạng xã hội là một kênh vô cùng quan trọng với tất cả mọi người quan tâm đến xã hội. Nhà nước cũng nên quan tâm đến mạng xã hội để biết người dân đang có cảm xúc như thế nào; các tổ chức phi chính phủ cũng nên quan tâm mạng xã hội để xem cộng đồng dân cư mà mình đang quan tâm đang suy nghĩ cái gì và cái gì là quan trọng với họ, và thậm chí là đối với những nhà xã hội học thì mạng xã hội vô cùng quan trọng để xem cái cách thảo luận như thế nào. Rất thú vị là những yếu tố của làng xã như “cảm tính” đã thể hiện rất nhiều trên mạng xã hội, cũng có thể liên quan nội dung thảo luận về “từ thiện câu like”. Người tham gia đã dùng những từ ngữ đầy cảm xúc, đầy nước mắt, đầy thương cảm để có nhiều like và càng nhấn mạnh cái tính cảm tính của người Việt Nam.

Làm sao có thể tăng được cái lý tính của xã hội? Theo tôi chúng ta thiếu những trụ cột để neo giữ các cuộc thảo luận. Ví dụ những trí thức, những chuyên gia về những vấn đề mà xã hội đang thảo luận cần lên tiếng từ góc nhìn chuyên môn, kỹ thuật để những quan tâm đến cuộc thảo luận có thể níu vào đấy để xây dựng lập luận. Chẳng hạn khi thảo luận về ngân sách công thì các nhà kinh tế như Nguyễn Đức Thành, Võ Trí Thành, Nguyễn Đăng Doanh có thể là những trụ để mà những người ở trên mạng xã hội níu vào hay không. Hoặc những thảo luận liên quan đến vi phạm quyền con người, cần có những chuyên gia về quyền con người hay luật pháp bình luận để cho xã hội nương vào đó. Có nghĩa để mạng xã hội có ích, có lý tính hơn thì chúng ta cần có nhiều ý kiến chuyên gia cung cấp kiến thức cho xã hội, làm giàu và làm lý tính thảo luận trên mạng xã hội hơn.

Sự ra đời của phong trào xã hội rất bất ngờ, không thể dự đoán được nguyên nhân một phong trào nổi lên. Nhưng nói đến phong trào có hai yếu tố quan trọng. Thứ nhất đây là mạng xã hội và truyền thông báo chí chính thống cộng hưởng được với nhau thì sẽ lôi kéo nhà nước phải vào cuộc. Hơn nữa, phong trào cây xanh có một điều rất đặc biệt, cần có một giải pháp cụ thể ví dụ bức thư của ông Trần Đăng Tuấn đề nghị đơn giản là đừng chặt cây và tất cả mọi người đều đồng ý và đều có thể hưởng ứng, nhưng các vấn đề khác, ví dụ như an toàn thực phẩm thì thực sự không biết giải pháp là gì. Khi không có giải pháp thì sẽ không tạo năng lượng để cho mọi người hành động. Điều này cũng rất quan trọng trong việc tạo nên phong trào xã hội.

Về chuyện phản ứng của xã hội liên quan đến bảo vệ cây xanh khác với việc phản ứng đối với vấn đề an toàn thực phẩm là do hai vấn đề đó khác nhau. Chuyện cây xanh xuất phát từ chính quyền, còn chuyện an toàn thực phẩm là do người sản xuất tạo nên. Chính vì vậy cần đặt câu hỏi có phải chuyện bảo vệ cây cũng là do sự tích lũy những âm ức về các vấn đề xã hội và chính trị lâu nay do đó mới có dịp bùng phát.

Một yếu tố cơ bản của xã hội làng xã là xã hội thứ bậc, xã hội thứ bậc có người trên người dưới. Trong xã hội làng xã người ta biết nhau hết nhưng mà lên facebook thì đồ ai biết nếu như không sử dụng tên thật, tức là cái tính ẩn danh trên facebook rất rõ. Khi tính ẩn danh tồn tại thì cái cấu trúc thứ bậc của xã hội làng xã bị gạt đổ.

2.5. Phiên thảo luận: Không gian XHDS và các giải pháp thúc đẩy sự phát triển của XHDS Việt Nam (Người điều hành: Thạc sỹ Lê Nam Hương)

2.5.1. Phần trình bày

2.5.1.1. Đánh dấu không gian xã hội dân sự Việt Nam

(Diễn giả: Ths. Lê Quang Bình)

Không gian xã hội dân sự là khái niệm khá mới và đang được nói đến nhiều trong thời gian gần đây. Những diễn đàn ở ASEAN, Washington hay Brussel cũng nói về không gian xã hội dân sự. Các cuộc thảo luận thường cho thấy xu hướng tiêu cực vì nhiều người cho rằng không gian xã hội dân sự toàn cầu đang bị đe dọa, thu hẹp. Vậy không gian XHDS ở Việt Nam đang thu hẹp hay mở rộng là một câu hỏi rất thú vị cần được thảo luận.

Nhìn chung, không gian (space) là một phạm trù khá trừu tượng. Khác với nơi chốn (place) như là một nơi có tính cụ thể và vật chất, không gian nhấn mạnh vào sự cảm nhận và trải nghiệm. Như Lefebvre viết: không gian (xã hội) là một sản phẩm (xã hội)...do đó, không gian được sản sinh ra như công cụ của tư tưởng và hành động..., thêm nữa, là phương tiện sản xuất, nó cũng là phương tiện để kiểm soát, và do đó để thiết lập sự thống trị của quyền lực". Bởi không gian mang tính kiến tạo xã hội, được cấu thành từ những mối quan hệ xã hội nên không tĩnh mà luôn động.

Đây là định nghĩa chính thống, còn hiểu nôm na không gian XHDS là tự do mà chúng ta có trong việc thực hành các quyền của mình. Ví dụ như Bộ giáo dục ra thông tư cấm sinh viên chia sẻ một số thông tin nhất định trên mạng xã hội thì điều này có nghĩa không gian của các bạn sinh viên đã bị đánh dấu, thu hẹp lại.

Không gian xã hội dân sự mở rộng hay thu hẹp phụ thuộc vào ba yếu tố

quan trọng. Yếu tố thứ nhất là các giá trị văn hóa, xã hội thúc đẩy hoặc ngăn cản sự phát triển của xã hội dân sự. Thứ hai là năng lực và sự chủ động của các tác nhân xã hội dân sự trong việc thúc đẩy không gian tự do. Nếu các tác nhân xã hội dân sự càng mạnh, càng chủ động, càng hợp tác thì họ sẽ có nhiều khả năng mở rộng không gian dân sự. Thứ ba là sự can thiệp của nhà nước vào các hoạt động dân sự, quan điểm và thái độ của nhà nước với xã hội dân sự. Có thể hiểu rằng, nếu nhà nước càng bao dung với xã hội dân sự, càng ít can thiệp vào, kiểm soát các tác nhân dân sự, thì không gian xã hội dân sự càng rộng (vì sự hiện diện, bao sân của nhà nước thu hẹp).

Không gianXHDS không thể đo lường trực tiếp mà phải thông qua 3 cấu phần cụ thể như đã nói ở trên. Để kiểm chứng rằng sự thay đổi 3 cấu phần này sẽ làm không gianXHDS mở rộng hay thu hẹp, cấu phần “Ảnh hưởng của xã hội dân sự” được sử dụng để đánh giá gián tiếp tính xác thực của công cụ đo lường được tạo nên bởi 3 cấu phần trên – Nếu không gian hoạt động củaXHDS càng rộng, ảnh hưởng củaXHDS tới xã hội càng cao và ngược lại. Sau khi chạy mô hình một nhân tố, nghiên cứu cho thấy mô hình này hoàn toàn phù hợp để sử dụng đo không gian xã hội dân sự. Để hiểu hơn về các chỉ số được sử dụng để đo và phương pháp đo, mọi người có thể đọc trong báo cáo “đánh dấu không gian xã hội dân sự Việt Nam”.

Trên thang điểm 5, tất cả các cấu phần đều có điểm thấp hơn điểm trung bình (3), cụ thể, cấu phần quản lý nhà nước có điểm thấp nhất, chỉ đạt 2,24 điểm. Cấu phần nền tảng văn hóa xã hội có điểm cao nhất là 2,94 điểm, tiếp đó là ảnh hưởng củaXHDS và năng lực củaXHDS tương ứng là 2,92 điểm và 2,91 điểm. Không gian xã hội dân sự Việt Nam được đánh giá là hẹp bởi đa số người tham gia nghiên cứu.

Cấu phần năng lực củaXHDS có mối tương quan thuận cao với không gianXHDS (0,86), điều này chứng tỏ không gianXHDS hiện có chủ yếu được tạo

ra nhờ năng lực củaXHDS. Tương tự như vậy, mối tương quan của năng lực XHDS và Ảnh hưởng của XHDS cũng cao (0,63), nên năng lực XHDS không chỉ quyết định độ rộng hẹp của không gian dân sự, mà còn quyết định ảnh hưởng của nó lên xã hội. Mối tương quan giữa quản lý nhà nước và không gian xã hội dân sự rất thấp (0,36) càng chứng tỏ không gian rộng hay hẹp phụ thuộc nhiều vào năng lực của XHDS hơn là sự quản lý của nhà nước. Như vậy, đầu tư vào năng lực của XHDS là một đầu tư hiệu quả và thông minh trong việc mở rộng không gian XHDS cũng như ảnh hưởng của XHDS lên xã hội.

Trong các chỉ số của cấu phần nền tảng văn hóa xã hội, chỉ số “đóng góp của người dân cho hoạt động từ thiện” và “mức độ quan tâm đến bất công” khá cao, có điểm số trên mức trung bình là 3.12 và 3.65. Tuy nhiên, nền tảng này vẫn đang bị bao trùm bởi tư tưởng độc tôn nhà nước, nhà nước lo tất nên người dân trở thành thụ động, e ngại tham gia hoạt động cộng đồng, hành động tập thể để giải quyết các vấn đề chung của mình. Chính vì vậy, mức độ ủng hộ phản biện độc lập và mức độ chấp nhận khác biệt tư tưởng của người dân rất thấp, chỉ có 2,63 và 2,64 điểm. Diễn ngôn tiêu cực về XHDS, về hoạt động dân sự như phản biện xã hội, biểu tình, tự do hiệp hội và lập hội càng ngăn cản người dân tham gia và ủng hộ các hoạt động của XHDS. Một số người cho rằng vấn đề này chỉ được giải quyết khi kiến thức và ý thức chính trị của người dân được nâng lên, khi họ hiểu rõ hơn những nguyên nhân sâu xa của bất công, của các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa mà họ đang phải đối mặt.

Năng lực của XHDS được thể hiện qua nhiều chỉ số khác nhau và còn khá thấp. Trong những năm gần đây thành phần (3.97 điểm) và hoạt động của XHDS (3.77 điểm) ngày càng đa dạng nhưng vẫn có những khoảng trống, cụ thể là sự thiếu hụt hoặc vai trò mờ nhạt các think-tanks, các tổ chức tôn giáo, và sự tham gia của các trường đại học. Vì đây là những mắt xích quan trọng

nên ảnh hưởng đến năng lực và chất lượng củaXHDS. Nhân sự của xã hội dân sự được đánh giá là vững về chuyên môn kỹ thuật, nhưng yếu về phương pháp hoạt động dân sự (civic activism) (3.08 điểm). Năng lực tài chính còn phụ thuộc vào bên ngoài (như nhóm NGO) hoặc rất hạn hẹp (như nhóm tự do và “lề trái”) dẫn đến những hạn chế trong việc thực hiện các hoạt động sâu rộng (2.51 điểm). Cơ hội quyên góp nguồn lực từ doanh nghiệp và người dân chưa mở được do doanh nghiệp VN phần lớn “thân” hoặc “sợ” chính phủ, và người dân chưa quen với hoạt động của XHDS. Hợp tác giữa các tổ chức xã hội dân sự (2.88 điểm) đã được cải thiện trong thời gian gần đây, nhưng còn rất nhiều thách thức do cả yếu tố bên trong (chưa thực sự tôn trọng và thấu hiểu vai trò của nhau), cũng như yếu tố bên ngoài (sự ngăn cản của chính quyền). Quan hệ của XHDS với nhà nước (2.36 điểm) rất yếu do quan hệ không bình đẳng, “xin phép-cho phép” và tâm thế của nhà nước đang là kiểm soát hơn là hỗ trợ XHDS. Quan hệ với báo chí (2.94 điểm) và XHDS quốc tế (2.73 điểm) đang có những tiến bộ mới, đặc biệt nhờ mạng xã hội và internet, nhưng vẫn còn thấp.

Mức độ kiểm soát của nhà nước với XHDS rất chặt chẽ, thậm chí ngăn cản với một số nhóm hoạt động về quyền con người, hay có tinh thần phản kháng. Tự do lập hội (2.16 điểm) và tự do hoạt động (2.58 điểm) chưa được bảo vệ, và việc thành lập NGO, Hội đặc biệt khó khăn hơn trong TP. HCM và các tỉnh phía Nam. Việc tiếp cận internet được mở rộng ở Việt Nam nhưng tự do thông tin (2.05 điểm) và tự do biểu đạt trên internet còn nhiều hạn chế. Lĩnh vực xuất bản (2.37 điểm) là một bức tranh “lôm đôm da báo”, về thể chế chính thức thì chưa có tự do xuất bản, nhưng thực tế thì khá cởi mở do sự tham gia của các đơn vị tư nhân kết hợp với các nhà xuất bản của nhà nước. Tự do báo chí cũng được đánh giá thấp (2,27 điểm) vì còn kiểm duyệt, tự kiểm duyệt cũng như Luật báo chí đang sửa đổi chưa thừa nhận báo chí tư nhân, chưa có cơ chế bảo vệ nhà báo, đặc biệt báo chí điều tra. Tự do gây quỹ được đánh giá cao nhất nhưng vẫn dưới điểm trung bình (2.93) do chưa

có khung pháp lý rõ ràng, và các tổ chức, cá nhân gây quỹ đang hoạt động trong vùng mờ, và nhà nước chưa can thiệp.

Ảnh hưởng của XHDS lên việc bảo vệ quyền con người chưa được đánh giá cao (2,94 điểm) vì tự kiểm duyệt của NGO, cản trở của nhà nước, cũng như năng lực của các tổ chức XHDS. Các tổ chức xã hội dân sự chưa truyền tải tốt và đầy đủ tiếng nói của các nhóm thiểu số (3,07 điểm), cơ bản vì thiếu các tổ chức XHDS của chính những nhóm này, hoặc sự thiếu hiểu và nhạy cảm của XHDS với nhu cầu và quyền của họ. Việc ảnh hưởng lên trách nhiệm giải trình của nhà nước cũng thấp (2,44 điểm) vì chưa có khung pháp lý bảo vệ quyền này. Tuy nhiên, mạng xã hội và các nhóm XHDS khi kết hợp với báo chí và người dân đã tạo ra những tiền lệ như Bộ trưởng y tế sử dụng facebook để “giải trình” các vụ việc liên quan, hoặc UBND Hà Nội dùng vụ chặt cây. Mức độ ảnh hưởng của XHDS lên bình đẳng giới (3,14 điểm) và xóa đói giảm nghèo (3,18 điểm) được đánh giá cao hơn, tuy nhiên, để hiệu quả hơn nữa thì cần có những đột phá về cách làm. Cụ thể cần thách thức nguyên nhân sâu xa của bất bình đẳng giới (quan hệ quyền lực nam-nữ) cũng như đói nghèo (tham nhũng, lãng phí, chính sách tạo ra sự lệ thuộc). Cuối cùng, ảnh hưởng của XHDS lên văn hóa dân chủ còn yếu (2,84 điểm), chủ yếu do năng lực, hiểu biết cũng như bản thân nhiều tổ chức XHDS chưa thực hành văn hóa dân chủ trong nội bộ tổ chức mình, giữa mình với nhau, và giữa mình với xã hội.

Tuy còn hẹp nhưng 61% người tham gia nghiên cứu cho rằng không gian xã hội dân sự đã được mở rộng trong 3 năm vừa qua, và hy vọng tiếp tục được mở rộng. Nguyên nhân chủ yếu do sự xuất hiện của internet, mạng xã hội giúp người dân biết nhiều thông tin, dễ dàng lên tiếng, và kết nối với nhau. Bên cạnh đó, sự xuất hiện của nhiều nhóm tự do, thậm chí đối kháng nên đã đẩy biên giới rộng ra, mở thêm được không gian dân sự. Sự chuyển mình của các tổ chức NGO qua mảng vận động chính sách, phong trào xã hội, và

đặc biệt là sự phát triển của các nhóm tình nguyện thanh niên, nhóm từ thiện... đã tạo ra nhiều không gian mới. Sự chuyển mình trong hợp tác, điều phối, và tôn trọng nhau giữa các nhóm xã hội dân sự cũng tăng hiệu quả hoạt động cũng như tạo tiền đề cho không gianXHDS được mở rộng hơn.

Xã hội dân sự Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển quan trọng khi không gian ngày càng được mở rộng, sự hợp tác đang được hình thành, và nhà nước đang soạn thảo một loạt luật như Luật về hội, Luật tiếp cận thông tin, Luật biểu tình, Luật báo chí... Có thể nói, ảnh hưởng của XHDS lên đời sống xã hội, kinh tế và chính trị ngày càng lớn, theo hướng thúc đẩy dân chủ hóa, minh bạch hóa, tự do hóa. Tuy nhiên, xã hội dân sự Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn học hỏi, thử nghiệm và phát triển. Xã hội dân sự chưa kết tụ vì chưa đủ lực (con người, tài chính, ảnh hưởng) để trở thành một trụ cột quan trọng của xã hội. Có lẽ, XHDS cần tiếp tục được nuôi dưỡng, thúc đẩy ít nhất 5-10 năm nữa để các nhóm NGO độc lập hơn về tài chính, vững vàng hơn về kỹ năng vận động xã hội; các nhóm “lề trái” mạnh hơn về phương pháp hoạt động dân sự (activism); các tác nhân dân sự mới như think-tanks, tổ chức tôn giáo, các trường đại học chủ động tham gia vào hoạt động dân sự; và đặc biệt những nhóm thanh niên, sinh viên bây giờ trưởng thành và trở thành lực lượng chính trong mạng lưới xã hội dân sự, với không chỉ kiến thức và kỹ năng mà cả những giá trị bình đẳng, tự do, khoan dung.

2.5.2. Thảo luận chung

Một đại biểu chia sẻ để phát triển XHDS Việt Nam thì cần có một số vấn đề cần phải được giải quyết. Thứ nhất, đó là xã hội dân sự và nhà nước pháp quyền phải được coi như một cặp phạm trù kép của sự phát triển tương thích với kinh tế thị trường, do đó phải đổi mới nhận thức về xã hội dân sự. Thứ hai, sự phát triển của xã hội dân sự gắn với tiến trình dân chủ hóa của nhân loại, nếu không có xã hội dân sự thì dân chủ chỉ là cái vỏ trống rỗng và

do đó phát triển xã hội dân sự chính là thước đo của trình độ dân chủ. Các think tanks là bộ óc tư duy giúp cho nhà nước tránh những sai lầm trong những quyết sách lớn. Thứ ba là hành lang pháp lý là yếu tố đủ vì các NGO, các tổ chức xã hội dân sự không thể hoạt động được vì quá nhiều sự cấm đoán. Thứ tư là cấu trúc xã hội dân sự quy định chức năng đại diện, nhưng quan trọng hơn là chức năng giám sát và phản biện xã hội. Chức năng này XHDS làm chưa tốt, thậm chí còn rất khó khăn. Chức năng phản biện xã hội của XHDS rất quan trọng, bởi vì không nên chỉ dừng lại ở hoạt động xóa đói giảm nghèo hoặc là làm từ thiện mà làm chức năng phản biện mới đúng vị thế của tổ chức xã hội dân sự.

Một đại biểu cho rằng mặc dù dân chủ rất quan trọng trong việc mở rộng xã hội dân sự, nhưng tự do là quan trọng nhất trong việc thúc đẩy phát triển xã hội dân sự. Năng lực quan trọng nhất để thúc đẩy xã hội dân sự là năng lực bảo vệ tự do. Năng lực bảo vệ tự do không chỉ quan trọng riêng đối với xã hội dân sự còn quan trọng đối với tất cả những khu vực khác, trong đó có cả khu vực về báo chí. Ví dụ của nhóm quay phim Chuyện Tử Tế đã cho thấy hạn chế quyền tự do biểu đạt của người dân trong nghệ thuật, trong học thuật, trong nhà trường, thì tiếng nói của khu vực xã hội dân sự không thực chất.

Một đại biểu cho rằng XHDS phải xác định lại vai trò của mình trong bối cảnh hiện nay cho phù hợp hơn với nhu cầu của xã hội, và đặc biệt trong mối tương quan với nguồn lực. Thực ra, khi nói về nguồn nào rút nguồn nào thông thì cũng phải đi đôi với vai trò, vị trí của xã hội dân sự trong phát triển. Nếu như NGO bây giờ vẫn tiếp tục đi làm xóa đói giảm nghèo thì sẽ khó về nguồn lực vì cái vôi đó đã bị rút rồi. Các tổ chức NGO phải thay đổi mình, vai trò của mình, ví dụ như vấn đề vận động xã hội, vận động chính sách, thay đổi thể chế, vấn đề quyền con người... thì có lẽ các nguồn này vẫn đang còn thông. Hoặc nếu như vẫn muốn làm tình nguyện, xóa đói

giảm nghèo thì nguồn không phải từ các các tổ chức quốc tế nữa mà phải huy động ở trong nước, từ nguồn của người dân.

Một ý kiến nhấn mạnh vào việc xây dựng năng lực là đầu tư thông minh cho việc mở rộng không gianXHDS. Và điều đầu tiên đây là sự hợp tác hay là năng lực hợp tác giữa các tổ chức XHDS. Hợp tác ở đây có thể hiểu theo cách rất đơn giản là ủng hộ những điều khác biệt, cách làm khác mình, điều mình chưa làm được. Vì vậy một điều đầu tiên cần thay đổi có lẽ khỏi phi chính phủ hay là khỏi xã hội dân sự cần biết hợp tác, biết ủng hộ, ủng hộ điều nhóm nào đó đang dám làm, dám thử để mở rộng khỏi XHDS hay không gian XHDS.

Vấn đề hợp tác giữa các tổ chức một phần cũng liên quan đến cách tài trợ. Các nhà tài trợ chỉ tập trung vào các dự án cụ thể và không khuyến khích những dự án mang tính chất như giá trị chung, sứ mệnh chung và điều đó hạn chế khả năng hợp tác rất nhiều. Chính vì vậy trong bối cảnh chuyển đổi như thế này, nếu nhà tài trợ thực sự muốn hỗ trợ các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam phát triển thì nên xem xét lĩnh vực hỗ trợ và nên hỗ trợ như thế nào. Có lẽ cần hỗ trợ cho những hoạt động tạo ra những không gian mới, những không gian năng động, không gian hợp tác, không gian để giải quyết những vấn đề bình đẳng và tự do. Để làm được điều đó thực sự các nhà tài trợ phải chấp nhận sự linh hoạt, tính cởi mở để tận dụng cơ hội thúc đẩy không gian tốt hơn, không bị bó buộc vào trong những dự án cụ thể.

Một vấn đề cốt lõi nữa là xã hội dân sự chỉ có thể được thừa nhận, được làm đúng với vai trò của mình nếu như được ủng hộ bởi cộng đồng mà mình hướng tới. Nếu những tổ chức xã hội dân sự làm về người khuyết tật mà không có người khuyết tật ủng hộ và tham gia thì sẽ không bao giờ thành công. Điều đó cũng đúng cho các tổ chức làm về người đồng tính, song tính

và chuyển giới, người dân tộc thiểu số, người di cư,... Đây chính là nền tảng, cốt lõi để cho các tổ chức xã hội dân sự thành công hay không thành công trong việc thay đổi xã hội.

Và một điều nữa cũng rất quan trọng đó là kết nối và tập hợp với người dân. Bây giờ đã có những công cụ rất tốt ví dụ như mạng xã hội để kết nối người dân, để huy động người dân. Chính vì vậy ngoài việc tập trung vào những dự án rất cụ thể thì việc suy nghĩ làm sao để làm việc và huy động đại bộ phận dân chúng là điều vô cùng quan trọng trong các tổ chức xã hội dân sự.

2.6. BẾ MẠC

Thay mặt ban tổ chức bà Ngô Thị Thu Hà cho rằng hiếm có hội thảo nào tổ chức hơn một ngày với tinh thần làm việc rất tích cực. Năm phiên của hội thảo từ nền tảng lý thuyết của xã hội dân sự trên thế giới và Việt Nam đến vai trò của xã hội dân sự trong phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của Việt Nam. Ở đâu đó đã đề cập về vai trò của xã hội dân sự trong các lĩnh vực chính trị và dân sự nhưng chưa có các nghiên cứu hoặc là chưa có những chia sẻ tập trung vào những cái vấn đề này. Vấn đề nguồn lực cho xã hội dân sự cũng đã được thảo luận, tới đây xã hội dân sự sẽ phải thay đổi như thế nào để tiếp cận được các nguồn lực ở trong nước khi các nguồn lực tài trợ nước ngoài rút đi. Người tham dự cũng đã bàn về không gian truyền thống và không gian mới - không gian mạng cho xã hội dân sự hoạt động, bao gồm cả các giải pháp thúc đẩy không gian xã hội dân sự ở Việt Nam. Một số nội dung đã được thảo luận nhiều, nhưng có nhiều nội dung mới, lần đầu tiên được đề cập.

Hội thảo thu hút sự tham gia của hơn 130 đại biểu, đã vượt quá mong đợi của ban tổ chức. Đại biểu gồm nhiều thành phần đại diện cho xã hội dân sự ở ba miền Bắc - Trung - Nam, đại diện cho các khối nghiên cứu, các trường

đại học. Hội thảo cũng có sự tham gia của đại diện cơ quan nhà nước, đại diện của một số tổ chức quốc tế, các cá nhân nghiên cứu về xã hội dân sự bao gồm các cá nhân là người Việt Nam và nước ngoài. Ban tổ chức hy vọng hy vọng sẽ có nhiều nghiên cứu đóng góp cho Hội thảo thường niên lần thứ hai với nội dung sâu sắc hơn và mở rộng ra các lĩnh vực khác nữa, ví dụ như là lĩnh vực dân sự chính trị.

Hội thảo đã đưa ra nhiều vấn đề và có nhiều ý kiến bổ ích, và câu hỏi đặt ra là cần làm gì tiếp theo. Có lẽ, thứ nhất vẫn phải vận động về mặt thể chế để tạo không gian xã hội dân sự mở rộng. Thứ hai, cần tiếp tục xây dựng năng lực, hình ảnh và niềm tin đối với XHDS để góp phần vào tạo sự thay đổi tích cực cho xã hội. Thứ ba, các bên quan tâm nên tiếp tục nghiên cứu và tổng hợp những vấn đề liên quan về xã hội dân sự, đóng góp của xã hội dân sự để chia sẻ và định hướng cho sự phát triển của XHDS. Cuối cùng, chúng ta sẽ gặp nhau lần hai vào năm 2017.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO



PPWG

GPAR

GIẤY MỜI

HỘI THẢO THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ NHẤT VAI TRÒ CỦA XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI, KINH TẾ VÀ VĂN HÓA CỦA VIỆT NAM

Tuy xã hội dân sự đã tồn tại và phát triển ở Việt Nam từ lâu bên cạnh nhà nước và thị trường, thay đổi qua các thời kỳ khác nhau, nhưng chưa được nghiên cứu, thảo luận một cách khoa học, thấu đáo. Chính vì vậy, Việt Nam đang thiếu một nền tảng lý luận và thực tiễn vững chắc nhằm định hướng phát triển cho xã hội dân sự trong quan hệ với nhà nước và thị trường. Do đó, Nhóm làm việc vì sự tham gia của người dân (PPWG), Nhóm hợp tác thúc đẩy quản trị và cải cách hành chính công (GPAR), và Mạng giới và phát triển cộng đồng (GENCOMNET) đồng tổ chức Hội thảo thường niên lần thứ nhất về **“vai trò của xã hội dân sự trong phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa ở Việt Nam”** vào hai ngày **14 và 15 tháng 4 năm 2016** tại Hà Nội.

Hội thảo nhằm tạo một không gian thảo luận học thuật giữa các cơ quan nhà nước, các tác nhân xã hội dân sự, và xã hội về bản chất và vai trò của xã hội dân sự trong bối cảnh Việt Nam. Từ đó, cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn cho sự phát triển của XHDS, đặc biệt đóng góp cho quá trình phát triển khung pháp lý liên quan đến xã hội dân sự như Luật về hội, Luật tiếp cận thông tin, hay Luật biểu tình. Chính vì vậy, Ban tổ chức xin thông báo và kính mời các nhà nghiên cứu, các nhà hoạt động xã hội, các tổ chức và cá nhân quan tâm đến chủ đề nêu trên tham gia và đóng góp cho Hội thảo. Nội dung của hội thảo được đính kèm theo giấy mời này.

Để thuận tiện cho việc tổ chức, xin điền mẫu đăng ký tham gia hội thảo tại địa chỉ: <http://goo.gl/forms/AUG6cOqQdx> trước **17h00 thứ 3 ngày 12 tháng 4 năm 2016**. Mọi câu hỏi về hội thảo xin được liên hệ anh Hoàng Anh Dũng tại số điện thoại 04. 6273 7933. Địa điểm hội thảo sẽ được thông báo tới những đại biểu đăng ký tham dự trước khi hội thảo diễn ra.

Ban tổ chức có hỗ trợ chi phí đi lại, ăn, ở cho các đại biểu ngoại tỉnh. Mọi câu hỏi về hậu cần cho khách ngoại tỉnh xin được liên hệ anh Hoàng Anh Dũng theo thông tin liên hệ ở trên.

Hy vọng sự tham gia và phát biểu của quý đại biểu sẽ đóng góp cho sự thành công của Hội thảo thường niên lần thứ nhất này.

Thay mặt ban tổ chức,

Lê Quang Bình

Ngô Thị Thu Hà

Phạm Kim Ngọc

Chủ tịch PPWG

Chủ tịch GPAR

Chủ tịch GENCOMNET

Chương trình

Ngày 14/4

Thời gian	Hoạt động	Người tham gia
8.30 – 9.00	Tiếp đón đại biểu	Ban tổ chức
9.00 – 9.15	Chào đón và khai mạc hội thảo	Ths. Lê Quang Bình – Chủ tịch PPWG
Phiên thảo luận: Nền tảng lý thuyết về xã hội dân sự trên thế giới và Việt Nam		
9.15 – 9.45	Xã hội dân sự và nhà nước: những mô hình quan hệ cơ bản	PGS. TS. Phạm Quỳnh Phương
9.45 – 10.15	Xã hội dân sự và các hình thái biểu hiện của XHDS ở Việt Nam	TS. Bùi Hải Thiêm
10.15 – 10.45	Q&A với diễn giả	Điều hành thảo luận: TS. Phạm Quang Tú
10.45 – 11.00	Nghỉ giữa giờ	
11.00 – 12.00	Thảo luận chung về Diễn ngôn và lý thuyết về xã hội dân sự trong bối cảnh chính trị, văn hóa và kinh tế Việt Nam	Điều hành thảo luận: TS. Phạm Quang Tú
	<ul style="list-style-type: none"> • PGS. TS. Phạm Quỳnh Phương • TS. Bùi Hải Thiêm • TS. Nguyễn Mạnh Cường 	
12.00 – 13.00	Ăn trưa	Toàn bộ hội thảo
Phiên thảo luận: Vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong phát triển kinh tế xã hội		
13.00 – 13.20	Hình thành, hoạt động và hướng phát triển của các tổ chức xã hội phi chính thức: nghiên cứu trường hợp các nhóm thiện nguyện ở Thừa Thiên Huế	TS. Nguyễn Quý Hạnh
13.20 – 13.40	Vai trò và chiến lược vận động chính sách của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam	Ths. Lê Quang Bình – Chủ tịch PPWG
13.40 – 14.40	Thảo luận chung về vai trò của các tổ chức xã hội dân sự	Điều hành thảo luận: Ths. Ngô Thu Hà – Chủ tịch Mạng GPAR
	<ul style="list-style-type: none"> • TS. Nguyễn Quý Hạnh • Ths. Lê Quang Bình • TS. Lê Khánh Tùng • Ths. Đặng Huy Hoàng 	
14.40 – 15.00	Nghỉ giải lao	Toàn bộ hội thảo
Phiên thảo luận: Nguồn lực cho các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam		
15.00 – 15.20	Nguồn lực tài chính và sự phát triển của các tổ chức XHDS Việt Nam: vôi nào đang rút, vôi nào cần thông?	TS. Nguyễn Đức Thành
15.20 – 15.40	Thách thức và cơ hội kêu gọi tài trợ từ người dân của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam	TS. Vũ Hồng Phong
15.40 – 17.00	Thảo luận chung về Nguồn lực cho các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam	Điều hành thảo luận: Ths. Nguyễn Thị Bích Tâm
	<ul style="list-style-type: none"> • TS. Nguyễn Đức Thành • TS. Vũ Hồng Phong • TS. Đặng Hoàng Giang 	

Chương trình

Ngày 15/4

Thời gian	Hoạt động	Người tham gia
9.00 – 9.05	Khai mạc	
Phiên thảo luận: Không gian truyền thống và không gian mạng của XHDS Việt Nam		
9.05 – 9.25	Xây dựng một xã hội dân sự thay đổi cho một xã hội làng, xã	GS. TS. Nguyễn Đăng Dung Giảng viên khoa Luật – ĐHQG
9.25 – 9.45	Tương tác người dân – nhà nước và xã hội dân sự dưới ảnh hưởng của mạng xã hội tại Việt Nam – nghiên cứu từ tình huống điển hình	Cn. Huỳnh Ngọc Chương
9.45 – 10.15	Trao đổi trực tiếp với các diễn giả	Điều hành thảo luận: Ths. Phạm Kim Ngọc – Chủ tịch GENCOMNET Toàn bộ hội thảo
10.15 – 10.30	Nghỉ giữa giờ	
Phiên thảo luận: Không gian XHDS và các giải pháp thúc đẩy sự phát triển của XHDS Việt Nam		
10.30 – 11.00	Đánh giá không gian xã hội dân sự Việt Nam	Ths. Lê Quang Bình – Chủ tịch PPWG
11.00 – 12.20	Thảo luận chung: không gian XHDS và các giải pháp thúc đẩy sự phát triển của XHDS Việt Nam <ul style="list-style-type: none"> • Ths. Lê Quang Bình • TS. Andrew Well Dang • TS. Nguyễn Vi Khải • Ths. Trương Hồng Quang 	Điều hành thảo luận: Ths. Lê Nam Hương
12.20 – 12.30	Bế mạc Hội thảo XHDS thường niên lần I	Bà Ngô Thu Hà – Chủ tịch mạng GPAR
12.30 – 13.30	Ăn trưa	Toàn bộ hội thảo

HỘI THẢO THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ NHẤT VAI TRÒ CỦA XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI, KINH TẾ VÀ VĂN HÓA CỦA VIỆT NAM

PHỤ LỤC 2: CÁC BÀI TRÌNH BÀY VÀ THAM LUẬN GỬI TỚI HỘI THẢO

Các bài trình bày và tham luận được chia sẻ tại:

<http://bit.ly/1WpU6Gk>

và <http://bit.ly/1TPbjb>

